# BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 45/2026
Từ 16/11 - 20/11/2026


## TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH


CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*
ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN


### TIN TRUNG ƯƠNG

## KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ TIẾN ĐỘ HOÀN THIỆN VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ PHƯƠNG ÁN BIÊN CHẾ GIAI ĐOẠN 2027 - 2031

Thay mặt Bộ Chính trị, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trần Cẩm Tú đã ký ban hành Kết luận về tình hình, kết quả thực hiện Kết luận số 107-KL/TW, ngày 17/10/2026 của Bộ Chính trị; tiến độ hoàn thiện cơ sở dữ liệu vị trí việc làm và phương án biên chế giai đoạn 2027 - 2031 (Kết luận số 123-KL/TW, ngày 13/11/2026).




*Thường trực Ban Bí thư Trần Cẩm Tú đã ký ban hành Kết luận số 123-KL/TW. (Ảnh: nhandan.vn)*

Tại phiên họp ngày 13/11/2026, xem xét Báo cáo số 186-BC/BTCTW, ngày 13/11/2026 của Ban Tổ chức Trung ương về tình hình, kết quả thực hiện Kết luận số 107-KL/TW, ngày 17/10/2026 của Bộ Chính trị (từ ngày 30/10 đến ngày 13/11/2026); tiến độ hoàn thiện cơ sở dữ liệu vị trí việc làm và phương án biên chế giai đoạn 2027 - 2031, Bộ Chính trị cơ bản thống nhất với Báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương và yêu cầu:

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm các chủ trương, định hướng, hướng dẫn của Trung ương; tiếp tục triển khai quyết liệt Kết luận số 107-KL/TW, trong đó tập trung một số nội dung sau:

1.1. Cần xác định rõ sản phẩm cốt lõi của giai đoạn này là hoàn thiện hệ thống danh mục vị trí việc làm gắn với bản mô tả công việc, khung năng lực và sản phẩm đầu ra. Đây là công việc nền tảng để đổi mới công tác cán bộ, quản lý biên chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Cần thực hiện khoa học, chặt chẽ, thực chất; không chạy theo số lượng kê khai, không hợp thức hoá tổ chức bộ máy và biên chế hiện có.

1.2. Tập trung cao độ trong việc chuẩn hóa, thẩm định, kiểm chứng, bảo đảm tính chính xác và thống nhất của dữ liệu kê khai. Kết hợp chặt chẽ việc rà soát từ dưới lên với hướng dẫn, chuẩn hoá từ trên xuống, bảo đảm mỗi vị trí việc làm được xác định đúng chức trách, nhiệm vụ, yêu cầu năng lực, sản phẩm và trách nhiệm thực hiện. Thông qua rà soát, kịp thời phát hiện, xử lý những bất cập về chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền; khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp, loại bỏ những công việc không cần thiết; đồng thời, tính toán đầy đủ yêu cầu chuyển đổi số, xã hội hóa và đổi mới phương thức làm việc.

1.3. Đề cao trách nhiệm trực tiếp của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương. Đây không phải là công việc riêng của cơ quan tổ chức cán bộ, mà là trách nhiệm của từng cấp ủy và người đứng đầu trong việc rà soát, xác định đúng chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm, yêu cầu năng lực, sản phẩm đầu ra của cơ quan, đơn vị. Người đứng đầu phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác, thực chất của kết quả; không khoán trắng cho cấp dưới hoặc cho cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ; không chạy theo thành tích, kê khai hình thức, không vì lợi ích cục bộ mà giữ việc, giữ người, giữ biên chế.

2. Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý; các cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản trực tiếp rà soát, xác định phương án xử lý đối với các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền và vị trí việc làm. Phân loại cụ thể các văn bản tiếp tục áp dụng, cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ; xác định rõ văn bản, điều khoản, nội dung cần xử lý, cơ quan có thẩm quyền và thời hạn hoàn thành; bảo đảm việc rà soát, xử lý đồng bộ, thống nhất, không để khoảng trống hoặc chồng chéo trong tổ chức thực hiện.

3. Giao Ban Tổ chức Trung ương

Tiếp thu ý kiến Bộ Chính trị; phát huy vai trò Cơ quan Thường trực, tiếp tục điều phối, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cấp ủy, tổ chức đảng ở Trung ương và địa phương triển khai thực hiện các công việc theo kế hoạch, bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong toàn hệ thống; tăng cường bám sát cơ sở, nắm tình hình thực tiễn, chủ động nghiên cứu, phát hiện vấn đề, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, xử lý bất cập, không để tình trạng mỗi nơi thực hiện một cách. Phối hợp với Bộ Nội vụ tiếp tục rà soát, hoàn thiện việc phân định nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền giữa các bộ, ngành, địa phương.

Thường xuyên theo dõi, tổng hợp tình hình, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị; trong đó, chú trọng đánh giá kết quả, tiến độ thực hiện; chỉ rõ cơ quan, địa phương, đơn vị làm tốt để biểu dương, nhân rộng, lựa chọn xây dựng điển hình ở một số cấp xã; đồng thời, xác định những cơ quan, địa phương, đơn vị nào còn khó khăn, vướng mắc để có biện pháp hỗ trợ và đề xuất

những vấn đề cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ, đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra.

*Nguồn: nhandan.vn*

# THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ LÊ MINH HƯNG: THÁO GỠ ĐIỂM NGHẼN THỂ CHẾ, GIẢM CHI PHÍ CHO NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP

Ngày 19/11/2026, tại trụ sở Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng, Chủ tịch Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Trung ương chủ trì phiên họp lần thứ ba của Hội đồng nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Tại phiên họp, Hội đồng tiến hành đánh giá khách quan, toàn diện, thực chất kết quả hoạt động của Hội đồng và công tác thi đua, khen thưởng năm 2026, thống nhất phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2027; thảo luận và bỏ phiếu tín nhiệm đối với các tập thể, cá nhân đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động.

Theo các báo cáo, ý kiến tại phiên họp, năm 2026, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương và các cấp, các ngành đã tích cực triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ trong kế hoạch, chương trình đề ra.

Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế được tập trung chỉ đạo thực hiện kịp thời, đặc biệt Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành tạo cơ sở pháp lý ngày càng hoàn thiện để triển khai thực hiện công tác thi đua, khen thưởng.

Các phong trào thi đua yêu nước tiếp tục phát triển, có sức lan tỏa sâu rộng, được các tầng lớp nhân dân nhiệt tình hưởng ứng, tham gia; phong trào thi đua "Quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng bền vững "2 con số" giai đoạn 2026 - 2030", trở thành phong trào trọng tâm, nòng cốt, xuyên suốt.

Công tác chỉ đạo tổ chức Chiến dịch 500 ngày đêm tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ bài bản, khoa học, hiệu quả, có ý nghĩa xã hội và nhân văn sâu sắc, lay động hàng triệu con tim, thể hiện truyền thống đạo lý uống nước nhớ nguồn của dân tộc; Ngày Văn hóa Việt Nam gắn với Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc, hình thành Tuần Văn hóa-Đại đoàn kết toàn dân tộc, là những hoạt động có ý nghĩa chính trị, văn hóa và xã hội sâu sắc, tạo điểm nhấn quan trọng trong đời sống tinh thần của nhân dân.

Công tác khen thưởng được thực hiện đúng quy định, kịp thời phục vụ các nhiệm vụ chính trị của đất nước và các bộ, ngành, địa phương. Hội đồng và Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã tập trung triển khai có hiệu quả những nhiệm vụ trọng tâm theo kế hoạch đề ra.

**Thực hiện hiệu quả thể chế mới, tháo gỡ điểm nghẽn tăng trưởng**

Đánh giá kết quả năm 2026, Thủ tướng Chính phủ ghi nhận công tác thi đua, khen thưởng có nhiều đổi mới, gắn với phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính, thúc đẩy khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

Đặc biệt, phong trào thi đua thực hiện mục tiêu tăng trưởng bền vững hai con số giai đoạn 2026 - 2030 được xác định là trọng tâm, xuyên suốt.

Theo Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng, việc thể chế hóa và triển khai các chủ trương, nghị quyết của Đảng được thực hiện nhanh, kỹ lưỡng, hiệu quả. Chính quyền địa phương hai cấp cơ bản vận hành thông suốt; nhiều khó khăn, vướng mắc từng bước được tháo gỡ.

Những kết quả này góp phần hoàn thành các nhiệm vụ năm 2026, tạo nền tảng để năm 2027 tăng tốc, bứt phá. Tuy nhiên, Thủ tướng Chính phủ cũng chỉ rõ ở một số nơi, cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu chưa quan tâm đúng mức đến công tác thi đua, khen thưởng; việc phát hiện, nhân rộng các mô hình, cách làm sáng tạo còn hạn chế.

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng nhấn mạnh việc khen thưởng đúng người, đúng việc, đúng thời điểm có thể tạo tác động nhanh, mạnh; đồng thời yêu cầu khuyến khích, ủng hộ những địa phương có cách làm năng động, sáng tạo.

Về nhiệm vụ năm 2027, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng yêu cầu công tác thi đua, khen thưởng bám sát Kết luận của Bộ Chính trị, xác định năm 2027 là năm tăng tốc, bứt phá thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030.

Các bộ, ngành, địa phương phải xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm theo từng lĩnh vực, từng thời điểm; phát huy trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu, đồng thời xử lý dứt điểm những hạn chế, tồn tại.

Trọng tâm trước hết là thúc đẩy tăng trưởng ở từng ngành, từng khu vực, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số xuyên suốt nhiệm kỳ.

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng yêu cầu tổ chức thực hiện hiệu quả khuôn khổ thể chế, chính sách, pháp luật mới nhằm tháo gỡ triệt để các điểm nghẽn, khó khăn, huy động nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển. Trong đó, cần chuẩn bị kỹ để triển khai hiệu quả các luật dự kiến được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ hai.

Đối với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, Thủ tướng yêu cầu tiếp tục rà soát phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền; giải quyết các vấn đề về nhân lực, cán bộ, nguồn lực, cơ sở vật chất, xây dựng vị trí việc làm, tạo điều kiện để chính quyền địa phương vận hành hiệu quả. Cùng với đó, đẩy mạnh giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, trực tuyến, liên thông; nâng cao chất lượng dịch vụ công, tạo thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp.

**Huy động nguồn lực đầu tư, thúc đẩy công nghệ chiến lược**

Nhấn mạnh yêu cầu huy động nguồn lực lớn cho phát triển, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng đề nghị các phong trào thi đua phải khuyến khích người dân, doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh, huy động vốn cho sản xuất và các hoạt động phát triển kinh tế.

Các phong trào cần gắn với triển khai dự án trọng điểm, chương trình mục tiêu quốc gia, hoàn thiện cơ sở dữ liệu, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

Đặc biệt, cần thúc đẩy nghiên cứu, phát triển các sản phẩm công nghệ chiến lược, sớm hình thành những sản phẩm có khả năng thương mại hóa.

Đối với Năm APEC 2027, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng yêu cầu tổ chức các phong trào thi đua không chỉ tập trung vào thời điểm diễn ra Tuần lễ Cấp cao APEC tại Phú Quốc vào tháng 11/2027 mà cần triển khai rộng khắp, góp phần tổ chức thành công Năm APEC 2027.

Qua đó, lan tỏa hình ảnh Việt Nam ổn định, thân thiện, đoàn kết, chân thành, cởi mở, sẵn sàng hợp tác và đóng góp có trách nhiệm vào các vấn đề khu vực, quốc tế.

Bên cạnh đó, tiếp tục triển khai Chiến dịch 500 ngày đêm tìm kiếm, quy tập, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ; đẩy mạnh chăm lo người có công với cách mạng, nhất là hỗ trợ nhà ở cho người có công và gia đình chính sách, hướng tới kỷ niệm 80 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ năm 2027.

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng lưu ý công tác khen thưởng phải hướng đến những người trực tiếp lao động, sản xuất, công tác và các tập thể, cá nhân ở cơ sở có thành tích tiêu biểu; bảo đảm khen thưởng thực chất, đúng đối tượng, tạo động lực hoàn thành nhiệm vụ.

*Nguồn: baochinhphu.vn*

# KHẨN TRƯƠNG TIẾP THU Ý KIẾN, HOÀN THIỆN KẾT QUẢ TỔNG RÀ SOÁT HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Ngày 19/11/2026, tại trụ sở Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu chủ trì Hội nghị Tham vấn hoàn thiện dự thảo Báo cáo của Chính phủ về kết quả tổng rà soát và giải pháp xử lý tổng thể hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hoàng Thanh Tùng cho biết, trên cơ sở quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, để tránh chồng chéo, bỏ sót văn bản thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát, Ban Chỉ đạo đã xác định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, gồm: Bộ, cơ quan ngang bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, Ủy ban nhân dân các cấp.

Tính đến ngày 31/10/2026, các cơ quan Trung ương và địa phương đã xác định, tổng hợp 43.702 văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực hoặc chưa có hiệu lực thuộc đối tượng, phạm vi tổng rà soát. Trong đó có 6.072 văn bản chỉ có nội dung bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật khác; 1.719 văn bản của chính quyền địa phương cấp tỉnh hoặc cấp xã trước khi sắp xếp không

được quyết định áp dụng; 7.566 văn bản của chính quyền cấp huyện trước khi sắp xếp đơn vị hành chính còn hiệu lực.

Qua tổng hợp, các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một phần bởi 3.652 văn bản. Các cơ quan Trung ương và địa phương đã rà soát, xác định và đề xuất phương án xử lý đối với 9.794 văn bản quy phạm pháp luật.

Tại Hội nghị, lãnh đạo các bộ, cơ quan, hiệp hội, doanh nghiệp đã thảo luận, góp ý dự thảo Báo cáo của Chính phủ về kết quả tổng rà soát và các giải pháp xử lý, hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy phát triển.

**Giảm gần 2.100 văn bản - Nhận diện điểm nghẽn**

Phát biểu sau khi nghe các ý kiến thảo luận, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu đánh giá cao những ý kiến góp ý có chất lượng của đại diện các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp.

Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu ghi nhận, biểu dương sự nỗ lực, tinh thần trách nhiệm của Bộ Tư pháp, các bộ, cơ quan và địa phương trong triển khai nhiệm vụ tổng rà soát với khối lượng công việc rất lớn, thời gian khẩn trương. Đặc biệt, các cơ quan đã chủ động xử lý, góp phần giảm gần 2.100 văn bản so với kết quả rà soát sơ bộ.

Thông qua tổng rà soát, các cơ quan đã cơ bản nhận diện được những bất cập mang tính hệ thống, liên ngành, liên cấp mà việc rà soát riêng lẻ theo từng ngành, từng văn bản khó phát hiện đầy đủ. Điển hình là những điểm nghẽn về đất đai, đầu tư, quy hoạch, xây dựng; sự chồng chéo về chính sách, thẩm quyền giữa các cấp, các địa phương sau sắp xếp; tình trạng phân tán, nhiều tầng nấc của hệ thống văn bản quy định chi tiết.

"Những kết quả bước đầu khẳng định sự cần thiết, đúng đắn của chủ trương tổng rà soát, tạo cơ sở quan trọng để tiếp tục hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật, xử lý đồng bộ các điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực cho phát triển đất nước", Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu nhấn mạnh.

Bên cạnh kết quả đạt được, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu chỉ rõ một số hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ tổng rà soát. Số liệu thống kê của một số cơ quan, địa phương chưa thống nhất; nội dung đánh giá trong một số báo cáo, nhất là của địa phương, chưa đáp ứng yêu cầu của Ban Chỉ đạo. Công tác truyền thông, chuẩn bị nguồn lực về kinh phí, công nghệ chưa kịp thời; việc lãnh đạo, chỉ đạo tại một số cơ quan, đơn vị chưa quyết liệt.

Ngoài ra, các phương án hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật chủ yếu tập trung vào đề xuất bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật, chưa chú trọng phương án hợp nhất các văn bản cùng điều chỉnh một nhóm quan hệ xã hội, có quy định trùng lặp, nội dung phân tán. Đối với một số bất cập mang tính hệ thống, liên ngành, các bộ liên quan chưa thống nhất được phương án xử lý.

**Rà soát, hoàn thiện pháp luật phải là công việc thường xuyên**

Để hoàn thiện dự thảo Báo cáo của Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu đề nghị Bộ Tư pháp và các bộ, ngành, địa phương khẩn trương tiếp thu ý kiến đại biểu, phối hợp chặt chẽ hoàn thiện Báo cáo, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm.

Thứ nhất, Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương rà soát, đối chiếu, thống nhất số liệu, hoàn thiện kết quả tổng rà soát; lượng hóa kết quả bằng số liệu, dẫn chứng cụ thể; thống kê đầy đủ số lượng văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực, phân loại theo từng hình thức văn bản, làm rõ cơ cấu, tình trạng hiệu lực và những bất cập về cấu trúc hệ thống pháp luật, xác định các nhóm văn bản cồng kềnh, phân tán, trùng lặp để nghiên cứu giải pháp tinh gọn.

Đồng thời, tiếp thu ý kiến đại biểu, tập trung xử lý đồng bộ các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất hợp lý, nhất là những điểm nghẽn mang tính hệ thống, liên ngành, cản trở hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và huy động, sử dụng nguồn lực.

Thứ hai, tổ chức triển khai kết quả tổng rà soát gắn với trách nhiệm của người đứng đầu và công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên.

Các bộ, cơ quan, địa phương khẩn trương xây dựng kế hoạch xử lý kết quả tổng rà soát, xác định cụ thể từng văn bản cần xử lý, phương án, lộ trình, thời hạn hoàn thành, bảo đảm "6 rõ"; đồng thời chủ động khắc phục những hạn chế trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật được phát hiện qua tổng rà soát.

Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo Chính phủ về tiến độ khắc phục, xử lý sau tổng rà soát.

Thứ ba, tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật là nhiệm vụ quan trọng, có tính chiến lược, nhưng việc rà soát, hoàn thiện pháp luật phải được thực hiện thường xuyên, không kết thúc sau khi hoàn thành đợt tổng rà soát.

Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu, cần chuyển mạnh từ thụ động tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp sang chủ động rà soát, phát hiện sớm và kịp thời xử lý những bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo, điểm nghẽn pháp lý, không để vướng mắc cản trở phát triển.

Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương tích cực tham mưu hoạt động của Ban Chỉ đạo; nghiên cứu đổi mới phương pháp rà soát theo chuỗi hoạt động thực tế của người dân, doanh nghiệp, thay vì chỉ rà soát riêng lẻ theo từng ngành, lĩnh vực.

Thứ tư, đề nghị các cơ quan của Quốc hội tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Chính phủ, các bộ, ngành trong nghiên cứu, xử lý kết quả tổng rà soát; quan tâm giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ xử lý sau rà soát.

Thứ năm, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tiếp tục phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; tập hợp, phản ánh kịp thời ý kiến, kiến nghị của nhân dân, nhất là những bất cập, vướng mắc trong thực tiễn thi hành pháp luật.

Cùng với đó, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hiệp hội, doanh nghiệp chủ động phát hiện, phản ánh những quy định bất hợp lý, gây khó khăn, tăng chi phí tuân thủ; tích cực góp ý, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật, tạo thuận lợi cho đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

*Nguồn: nhandan.vn*

# MỨC ĐỘ HÀI LÒNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN ĐẠT 99,04%

Ngày 19/11/2026, tại thành phố Đồng Nai, Bộ Công an tổ chức Hội nghị "Công bố kết quả xác định chỉ số cải cách hành chính, kết quả đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị có chức năng giải quyết thủ tục hành chính trong Công an nhân dân năm 2026 ".

Tại Hội nghị, Ban Tổ chức đã công bố kết quả xác định chỉ số cải cách hành chính và kết quả đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị có chức năng giải quyết thủ tục hành chính trong Công an nhân dân năm 2026. Về kết quả chỉ số cải cách hành chính, so với năm 2025, năm 2026 có 28 Công an đơn vị, địa phương xếp loại Xuất sắc, tăng 03 đơn vị; có 48 Công an đơn vị, địa phương xếp loại Tốt, giảm 05 đơn vị, địa phương và 04 Công an đơn vị, địa phương xếp loại Khá, tăng 02 đơn vị, địa phương; không có Công an đơn vị, địa phương nào xếp loại Hoàn thành nhiệm vụ. Mức độ hài lòng chung về sự phục vụ của cơ quan, đơn vị có chức năng giải quyết thủ tục hành chính trong Công an nhân dân đạt 99,04%.

Năm 2026 là năm đầu tiên thí điểm đánh giá chỉ số cải cách hành chính đối với các học viện, trường công an nhân dân, bệnh viện và doanh nghiệp thuộc Bộ Công an. Đối với 08 học viện, trường công an nhân dân, 04 bệnh viện và 02 doanh nghiệp tham gia thí điểm xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2026 đạt trung bình 83,76%, đã cho thấy sự quan tâm của Thủ trưởng các đơn vị đối với công tác này.

Kết quả trên thể hiện tinh thần trách nhiệm, nỗ lực cố gắng của Công an các đơn vị, địa phương trong việc nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính. Qua đó, cho thấy sự chuyển biến mạnh mẽ của toàn ngành và sự tiến bộ vượt bậc của Công an các đơn vị, địa phương, xứng đáng với vai trò, vị thế cơ quan thường trực của Trung ương, của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

Hội nghị đã tôn vinh 18 tập thể và 40 cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện chuyển đổi số toàn diện công tác đánh giá kết quả cải cách hành chính, xác định chỉ số cải cách hành chính trong công an nhân dân. Đồng thời, công bố và trao các quyết định công nhận 17 sáng kiến cải cách hành chính cấp Bộ cho Công an 14 tỉnh, thành phố; ghi nhận các giải pháp, sáng kiến thiết thực, hiệu quả tạo động lực cho công tác cải cách hành chính trong Công an nhân dân năm 2026.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, đồng chí Thứ trưởng Lê Văn Tuyến đã nhấn mạnh những kết quả nổi bật trong công tác cải cách hành chính năm 2026 của lực lượng Công an nhân dân, đồng thời chỉ rõ những tồn tại, hạn chế nhất định, yêu cầu Công an các đơn vị, địa phương phải khẩn trương đề xuất các giải pháp khắc phục.

Chỉ đạo một số nhiệm vụ trọng tâm về công tác cải cách hành chính trong Công an nhân dân thời gian tới, Thứ trưởng Lê Văn Tuyến yêu cầu Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương nêu cao trách nhiệm người đứng đầu trong hoàn thiện hệ thống pháp luật về an ninh, trật tự góp phần cải cách hành chính phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, phát huy vai trò gương mẫu, đi đầu của lực lượng Công an nhân dân trong chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ và khai thác hiệu quả dữ liệu phục vụ cải cách hành chính. Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

Tiếp tục đổi mới công tác xác định chỉ số cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng người dân theo hướng thực chất, khách quan, minh bạch, tuyệt đối không chạy theo điểm số, không hợp thức hóa hồ sơ, không làm đẹp báo cáo, kết quả đánh giá phải phản ánh đúng thực tế và phải trở thành động lực thúc đẩy cải cách hành chính trong Công an nhân dân. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; xây dựng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ có phong cách làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm, tận tụy; đảm bảo kinh phí, đầu tư và chuẩn bị tốt cơ sở vật chất, kỹ thuật, hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu triển khai và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin; tăng cường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn và xử lý trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

*Nguồn:bocongan.gov.vn*

# 100 NGÀY QUYẾT LIỆT HÀNH ĐỘNG: NHIỀU CƠ SỞ DỮ LIỆU, NỀN TẢNG SỐ CỦA BỘ NỘI VỤ VỀ ĐÍCH

Ngày 17/11/2026, tại trụ sở Bộ Nội vụ, Thứ trưởng Bộ Nội vụ Trương Hải Long dự và chủ trì Hội nghị tổng kết thực hiện kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị của Bộ Nội vụ.

Hội nghị nhằm đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch số 7533/KH-BNV của Bộ Nội vụ về việc triển khai Kế hoạch số 05-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương đối với chặng đường 100 ngày xử lý các điểm nghẽn chuyển đổi số - một chiến dịch với tinh thần khẩn trương, làm việc không quản ngày đêm, Bộ Nội vụ đã đạt được những kết quả ấn tượng, đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ trong công tác số hóa và hiện đại hóa nền hành chính.

**“Quả ngọt” từ việc phủ kín và làm sạch Cơ sở dữ liệu**

Điểm sáng lớn nhất sau 100 ngày hành động là sự lột xác của hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành Nội vụ. Tính đến ngày 15/11/2026, toàn bộ 12/12 CSDL của Bộ đã kết nối và đồng bộ dữ liệu thành công về Trung tâm dữ liệu quốc gia (C12), trong đó: 11/12 CSDL đã thực hiện đối soát dữ liệu với CSDL quốc gia về Dân cư (C06), 09/12 CSDL đã kết nối thành công với các CSDL nội bộ ngành để phát huy tối đa giá trị dữ liệu. Đặc biệt, 07 CSDL đã chính thức đưa

vào phục vụ khai thác, tra cứu thông tin và giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho người dân, doanh nghiệp.

Các CSDL trọng điểm ghi nhận khối lượng dữ liệu khổng lồ đã được tạo lập: (1) CSDL quốc gia về Cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) tạo lập được trên 2,225 triệu hồ sơ, đạt tỷ lệ 98,78% đối tượng quản lý; (2) CSDL quốc gia về An sinh xã hội đã tiếp nhận trên 14,7 triệu bản ghi từ 7 CSDL chuyên ngành, đối soát làm sạch trên 4,9 triệu bản ghi với C06 và đang đồng bộ dữ liệu từ 06/07 CSDL chuyên ngành theo thời gian thực hằng ngày; (3) CSDL người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quản lý trên 1,2 triệu bản ghi dữ liệu của người lao động, trên 716 bản ghi dữ liệu doanh nghiệp, trên 525 nghìn dữ liệu hồ sơ đăng ký hợp đồng và đã đối soát làm sạch trên 650 nghìn bản ghi; (4) CSDL giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp đã kết nối dữ liệu với CSDL người lao động và CSDL tai nạn lao động, được tạo lập từ quá trình giải quyết 06/09 thủ tục hành chính với trên 306 nghìn bản ghi và đã đối soát làm sạch trên 304 nghìn bản ghi với C06; (5) CSDL liệt sỹ, mộ liệt sỹ và nghĩa trang liệt sỹ đã kết nối dữ liệu với CSDL người hưởng chính sách ưu đãi người có công, CSDL ADN của liệt sỹ và thân nhân với trên 01 triệu bản ghi dữ liệu được tạo lập và quản lý.

**Đẩy nhanh tiến độ 5 nền tảng số quốc gia**

Bên cạnh CSDL, Bộ Nội vụ cũng đang tập trung nguồn lực triển khai 5 nền tảng số quốc gia được Thủ tướng Chính phủ giao:

Sàn giao dịch việc làm quốc gia: Qua quá trình thí điểm (từ tháng 4/2026 đến nay), sàn đã thu hút gần 10 ngàn nhà tuyển dụng và trên 24,8 nghìn người lao động tham gia giao dịch với hơn 151 nghìn vị trí đang tuyển dụng.

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ: Đã vận hành chính thức, cấu hình 163 TTHC cấp bộ, tỉnh, xã. Hệ thống đã cấp trên 59 nghìn tài khoản cán bộ và quản trị cho toàn bộ 34/34 tỉnh, thành phố, đồng thời kết nối thông suốt với Cổng Dịch vụ công quốc gia và nhiều CSDL chuyên ngành khác để thay thế hồ sơ giấy.

Nền tảng quản lý CBCCVC quốc gia: Đã hoàn thành xây dựng, thử nghiệm, được Bộ Công an đánh giá an toàn thông tin và đang chuẩn bị kết nối với Nền tảng VNeID để tích hợp đăng nhập.

Nền tảng hợp đồng lao động điện tử: Đã xây dựng xong nền tảng thử nghiệm, kết nối VNeID đạt yêu cầu và đang triển khai thí điểm trên diện rộng.

Nền tảng quốc gia về văn thư, lưu trữ: Bộ đã hoàn thiện dự thảo Quyết định của Thủ tướng phê duyệt Đề án tổng thể giai đoạn 2026 - 2030 và đang lấy ý kiến các Bộ ngành liên quan.

**Bảo đảm hạ tầng, an toàn thông tin và cắt giảm thủ tục hành chính**

Song song với việc phát triển ứng dụng, Trung tâm Công nghệ thông tin đã bố trí hạ tầng ưu tiên cài đặt, vận hành cho 09/15 CSDL. Công tác an ninh mạng được thiết lập ngay từ khâu thiết kế; Bộ Nội vụ đã phối hợp với Tổ công tác của Bộ Công an kiểm tra, đánh giá an toàn cho 07/15 hệ thống và đang tiếp tục đánh giá 08 hệ thống còn lại.

Về cải cách TTHC, Bộ đã hoàn thành tái cấu trúc và đơn giản hóa 33/33 TTHC theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP, cùng với 45 TTHC ngoài danh mục, mang lại sự tiện lợi, giảm chi phí và thời gian cho người dân, doanh nghiệp.

Sau 100 ngày hành động cao điểm, những kết quả đạt được không chỉ là những "con số biết nói" minh chứng cho nỗ lực không ngừng nghỉ của tập thể lãnh đạo, cán bộ Bộ Nội vụ, mà còn tạo ra nền móng dữ liệu vững chắc. Đây là tiền đề quan trọng để Bộ tiếp tục bứt tốc, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ chuyển đổi số trong thời gian tới.

Phát biểu kết luận hội nghị, Thứ trưởng Trương Hải Long ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực, quyết tâm của các đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu và nền tảng trong thời gian qua. Để hoàn thành trọn vẹn chiến dịch, Thứ trưởng yêu cầu các đơn vị khẩn trương hoàn thiện các thủ tục hành chính, pháp lý và khâu nghiệm thu đối với các nhiệm vụ còn lại để đảm bảo tiến độ công việc trong những tháng cuối năm.

Đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của hệ thống CSDL quốc gia về Cán bộ, công chức, viên chức và CSDL quốc gia về An sinh xã hội, Thứ trưởng đánh giá đây là hai nền tảng được quan tâm đặc biệt. Do đó, các đơn vị cần chủ động học tập kinh nghiệm từ các bộ, ngành khác, mạnh dạn đề xuất giải pháp cần thiết để tháo gỡ triệt để vướng mắc. Đối với Sàn giao dịch việc làm quốc gia, đơn vị chuyên môn cần phối hợp chặt chẽ, tìm giải pháp tối ưu để nhanh chóng đưa nền tảng này vào vận hành hiệu quả trong thực tiễn.

*Minh Minh/Moha.gov.vn*

# BỘ NỘI VỤ CÔNG BỐ 6 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI VỀ VIỆC LÀM

Ngày 16/11/2026, Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 1412/QĐ-BNV ngày 16/11/2026 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

Theo đó, công bố 6 thủ tục hành chính mới ban hành về lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, với cơ quan thực hiện là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Cụ thể:

1. Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

2. Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

3. Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

4. Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

5. Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

6. Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Cùng với đó, bãi bỏ 6 thủ tục hành chính về lĩnh vực việc làm do cơ quan thực hiện là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã được công bố trước đây.

Quyết định cũng quy định nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính về: Trình tự, cách thức thực hiện; Thành phần hồ sơ, Thời hạn giải quyết; Đối tượng thực hiện, cấp giải quyết, kết quả thực hiện, yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính; Phí/lệ phí; Mẫu đơn, mẫu tờ khai…

*Phương Nhung/Moha.gov.vn*

# DỮ LIỆU VỀ DÂN TỘC: GẤP RÚT HOÀN TẤT KẾT NỐI TRƯỚC NGÀY 30/11/2026

Đây là chỉ đạo của Thứ trưởng Thường trực Bộ Dân tộc và Tôn giáo Nguyễn Hoài Anh tại cuộc họp nghe báo cáo tiến độ xây dựng, kết nối và chia sẻ Cơ sở dữ liệu về dân tộc với Trung tâm Dữ liệu quốc gia (C12), Bộ Công an, diễn ra ngày 18/11/2026, tại Hà Nội.

**Đẩy nhanh kết nối, chuẩn hóa dữ liệu**

Theo báo cáo của Cục Chiến lược và Chính sách dân tộc (Bộ Dân tộc và Tôn giáo), tính đến ngày 17/11/2026, việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về dân tộc đã đạt một số kết quả quan trọng, đặc biệt trong công tác kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

Cụ thể, từ ngày 20/9/2026, Bộ đã hoàn thành kết nối, chia sẻ 2 nhóm dữ liệu, gồm: dữ liệu thông tin dân tộc thiểu số; dữ liệu về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù.

Bên cạnh đó, Bộ Dân tộc và Tôn giáo đã hoàn thành ký số xác thực 4 nhóm dữ liệu, gồm: dữ liệu xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; dữ liệu về chính sách dân tộc; dữ liệu về hợp tác quốc tế, điều ước, thỏa thuận quốc tế và vận động tài trợ trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo; dữ liệu tiếp nhận, phân công tham mưu và trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri, đại biểu Quốc hội, địa phương và người dân.

Các nhóm dữ liệu này đang chờ phối hợp với C12 để thống nhất phạm vi, phương án kỹ thuật trước khi thực hiện kết nối, chia sẻ.

Đối với dữ liệu về người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tính đến chiều ngày 17/11/2026, đã có 20/32 tỉnh, thành phố báo cáo hoàn thành thu thập dữ liệu.

Bộ Dân tộc và Tôn giáo đề nghị các địa phương hoàn tất việc ký số phê duyệt các bản ghi hồ sơ người có uy tín trước ngày 20/11/2026, đồng thời chuẩn bị đối sánh, xác thực thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Với dữ liệu học sinh, sinh viên, thanh niên người dân tộc thiểu số xuất sắc, tiêu biểu được tuyên dương từ năm 2025 trở đi, Bộ đang triển khai tạo lập, đối sánh thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nhằm bảo đảm tính chính xác trước khi kết nối, chia sẻ.

Trung tâm Chuyển đổi số đã có văn bản gửi Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (C06), Bộ Công an, đề nghị cấp khóa kết nối chính thức. Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn còn những khó khăn, nhất là đối với nhóm dữ liệu số VI về thông tin vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Cục Chiến lược và Chính sách dân tộc đã phối hợp với doanh nghiệp xây dựng chức năng thu thập, cập nhật các biểu mẫu về thực trạng kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tích hợp dữ liệu từ Kho 53 DTTS để làm việc với C12.

Qua rà soát, C12 xác định nhóm dữ liệu này chưa đáp ứng tiêu chí "đúng, đủ, sạch, sống" và đề nghị không thực hiện kết nối. Cùng với việc hoàn thiện dữ liệu, Bộ Dân tộc và Tôn giáo cũng rà soát phạm vi kết nối nhằm tránh trùng lặp với các cơ sở dữ liệu do bộ, ngành khác quản lý.

Một số nhóm dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số; khoa học và công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng; phổ biến, giáo dục pháp luật được đề xuất không kết nối trực tiếp với C12 do đã được tích hợp hoặc đang xây dựng trên các hệ thống chuyên ngành khác.

**Bảo đảm tiến độ kết nối dữ liệu trước 30/11/2026**

Tại cuộc họp, Thứ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo Nguyễn Hoài Anh nhấn mạnh, thời gian không còn nhiều, các đơn vị phải tập trung cao độ, khẩn trương rà soát, xử lý dứt điểm những công việc còn tồn đọng, bảo đảm tiến độ chung.

Trong đó, ngày 20/11/2026 là mốc thời gian quan trọng, yêu cầu các đơn vị hoàn thành những nhiệm vụ cấp bách liên quan đến xác thực, ký số và chuẩn bị dữ liệu để chuyển cho Bộ Công an, tạo điều kiện kết nối với Trung tâm Dữ liệu quốc gia trước ngày 30/11/2026.

Đối với các nhóm dữ liệu đã được xác thực, Thứ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo Nguyễn Hoài Anh yêu cầu các đơn vị liên quan tăng cường phối hợp, khẩn trương đưa dữ liệu lên nền tảng để vận hành, khai thác. Đặc biệt, Thứ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo Nguyễn Hoài Anh yêu cầu rà soát tổng thể 15 nhóm dữ liệu, trong đó tập trung làm rõ những vướng mắc đối với nhóm dữ liệu số VI, xác định cụ thể nội dung, phạm vi, yêu cầu quản lý và phương án triển khai phù hợp. Trên cơ sở kết quả rà soát, các đơn vị tham mưu điều chỉnh phiên bản 1.0, khắc phục những bất cập, hoàn thiện các nội dung cần thiết để trình ký ban hành trong tháng 12/2026.

*Nguồn: baochinhphu.vn*

# BA THỦ TỤC VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI THỰC HIỆN KHÔNG PHỤ THUỘC ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TRÊN TOÀN QUỐC

Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định 3318/QĐ-BTC về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi toàn quốc.

Theo đó, danh mục này gồm 255 thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực như hải quan, thuế, kho bạc nhà nước, đấu thầu, doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể, bảo hiểm xã hội. Riêng với lĩnh vực bảo hiểm xã hội, có 3 thủ tục được áp dụng cơ chế này.

Đó là: Giải quyết chế độ đối với người lao động không đủ điều kiện hưởng lương hưu và chưa đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội; Giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội một lần; Thanh toán trực tiếp chi phí khám bệnh, chữa bệnh giữa cơ quan bảo hiểm xã hội và người tham gia bảo hiểm y tế.

Đây đều là những thủ tục gắn trực tiếp với quyền lợi an sinh của người dân. Việc không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong giải quyết các thủ tục này giúp người dân có thêm thuận lợi khi thực hiện quyền lợi của mình, nhất là trong bối cảnh việc học tập, làm việc, sinh sống và di chuyển giữa các địa phương ngày càng phổ biến.

Trước đây, việc giải quyết thủ tục hành chính thường gắn với địa bàn quản lý theo quy định. Khi triển khai cơ chế không phụ thuộc địa giới hành chính, phạm vi thực hiện được mở rộng trên toàn quốc, góp phần giảm những vướng mắc phát sinh do khoảng cách địa lý, nơi cư trú hoặc nơi tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Qua đó, người dân có điều kiện tiếp cận dịch vụ công thuận tiện hơn, không phải mất thêm thời gian, chi phí đi lại chỉ vì những giới hạn về địa bàn hành chính.

Theo danh mục được Bộ Tài chính công bố, các thủ tục nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của bảo hiểm xã hội cấp tỉnh hoặc bảo hiểm xã hội cơ sở. Việc triển khai thống nhất trong toàn hệ thống sẽ góp phần nâng cao tính linh hoạt, hiệu quả trong tiếp nhận và giải quyết hồ sơ, đồng thời bảo đảm quyền lợi chính đáng của người tham gia, thụ hưởng chính sách.

Theo Bảo hiểm xã hội Việt Nam, việc mở rộng phạm vi thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính là một trong những bước đi cụ thể trong nỗ lực đổi mới phương thức phục vụ của hệ thống này.

Thời gian qua, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, hướng tới xây dựng nền hành chính hiện đại, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Trong đó, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã tham mưu Bộ Tài chính ban hành Công văn số 14229/BTC-BHXH ngày 11/9/2026 gửi Bộ Tư pháp về việc nghiên cứu, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu. Đồng thời, ban hành Công văn số 3512/BHXH-VP ngày 09/9/2026 hướng dẫn toàn hệ thống triển khai các quy định mới về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và trên môi trường điện tử. Đặc biệt, việc triển khai Đề án 06 của Chính phủ đã tạo nền tảng quan trọng để ngành bảo hiểm xã hội đẩy mạnh kết nối, khai thác và sử dụng dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

Đến nay, hệ thống của Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã xác thực hơn 100,2 triệu thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu do ngành quản lý với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. 100% cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên toàn quốc đã triển khai sử dụng căn cước công dân gắn chip, ứng dụng VNeID trong khám, chữa bệnh. Toàn hệ thống cũng đã xử lý hơn 3 triệu

hồ sơ liên quan đến cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi, giải quyết chế độ mai táng phí, tử tuất...

Những kết quả này góp phần từng bước hình thành hệ sinh thái dữ liệu số phục vụ quản lý và tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; đồng thời tạo điều kiện để đơn giản hóa quy trình, giảm giấy tờ và hạn chế việc người dân phải cung cấp lại những thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được kết nối, khai thác theo quy định.

Thời gian tới, Bảo hiểm xã hội Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh rà soát, tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở khai thác dữ liệu số; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, tăng tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận, xử lý và trả kết quả trên môi trường điện tử. Cùng với đó là tăng cường công khai, minh bạch tiến độ giải quyết hồ sơ, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp theo dõi, giám sát và đánh giá chất lượng phục vụ.

*Nguồn: nhandan.vn*

## TIN ĐỊA PHƯƠNG

# THÀNH PHỐ HÀ NỘI: ĐỂ NHỮNG SÁNG KIẾN CẢI CÁCH KHÔNG NẰM TRÊN GIẤY: ĐƯA Ý TƯỞNG THÀNH MÔ HÌNH HIỆU QUẢ

Thực hiện Kế hoạch của thành phố về thông tin tuyên truyền cải cách hành chính năm 2026 và Kế hoạch 165/KH-UBND ngày 21/4/2026 về tổ chức Cuộc thi "Tìm kiếm ý tưởng, giải pháp cải cách hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội lần thứ 3 năm 2026", phong trào thi đua đổi mới sáng tạo đang lan tỏa rộng khắp cơ quan, đơn vị, địa phương của Thủ đô. Đáng ghi nhận, các sáng kiến không dừng lại ở đề xuất trên giấy hay chỉ nhằm tranh giải, mà nhiều mô hình chứng minh tính khả thi cao, mang lại hiệu quả thiết thực.

Trong bức tranh đổi mới đó, kinh nghiệm và thực tiễn triển khai tại một số địa phương đang cho thấy những bước đi bài bản, sát thực tế, hướng mạnh về người dân.

**Khẩn trương triển khai, gắn sáng kiến với hiệu quả thực tiễn**

Chỉ sau 3 ngày thành phố ban hành kế hoạch tổ chức Cuộc thi, Ủy ban nhân dân phường Hai Bà Trưng nhanh chóng ban hành Văn bản 974/UBND-VHXH ngày 24/4/2026 về việc gửi bài viết tham dự. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường đề nghị thủ trưởng 100% cơ quan, đơn vị thuộc phường tuyên truyền phổ biến kế hoạch tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; bảo đảm những ý tưởng, giải pháp tập trung nâng cao hiệu quả các nội dung cải cách hành chính nhà nước. Yêu cầu bài dự thi phải có tính mới, sáng tạo, mang lại lợi ích thiết thực; được thủ trưởng đơn vị tiếp nhận, sơ loại, xác nhận mức độ hiệu quả cùng tính khả thi khi áp dụng.

Dưới sự chỉ đạo sát sao, các cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc xây dựng sáng kiến và báo cáo đánh giá hiệu quả trước ngày 04/5/2026. Thực hiện yêu cầu của thành phố, ngày 11/9/2026, Ủy ban nhân dân phường tiếp tục đôn đốc các đơn vị hoàn thành cập nhật 100% bài viết hoàn chỉnh, chất lượng lên trang web cải cách hành chính của thành phố (hình thức bài viết hoặc video clip) trước 15/9/2026.

Từ quá trình triển khai nghiêm túc, phường đã có tổng cộng 8 bài dự thi hoàn chỉnh, chất lượng được cập nhật lên hệ thống của thành phố. Các sáng kiến đều thuộc lĩnh vực giáo dục, nơi giáo viên và học sinh là người trực tiếp thực hiện, đã sớm hình thành các cách làm hay, để địa phương từng bước hệ thống hóa thành mô hình quản lý hiện đại.

Đó là: Trường học không giấy tờ; Bệ phóng số: tuyển sinh trực tuyến thông minh và hồ sơ số liên thông dựa trên công nghệ AI và dữ liệu liên kết; mô hình "Trợ lý hồ sơ thông minh theo tình huống" - cá thể hóa dịch vụ công trong giáo dục tiểu học; xây dựng hệ thống quản lý cơ sở vật chất trường học bằng mã QR kết hợp chuẩn hóa quy trình mua sắm - sửa chữa; Một kênh kết nối - Một quy trình phục vụ; ứng dụng chuyển đổi số trong đơn giản hóa quy trình hành

chính tại trường tiểu học; cơ chế cam kết và giám sát thời gian xử lý thủ tục hành chính gắn với trách nhiệm cá nhân cán bộ, công chức; mô hình "Phường số thông minh": tích hợp trợ lý ảo AI và liên thông thủ tục hành chính trong giải quyết thủ tục hành chính.

**"Phường số thông minh": lấy người dân làm trung tâm phục vụ**

Nổi bật trong danh mục sáng kiến cải cách hành chính của phường Hai Bà Trưng năm nay là mô hình "Phường số thông minh": tích hợp trợ lý ảo AI và liên thông thủ tục hành chính trong giải quyết thủ tục hành chính" do cô giáo Hà Thị Trà Hương (trường Tiểu học Lê Ngọc Hân) làm chủ nhiệm. Được xây dựng với lộ trình triển khai trong năm 2026, mô hình hướng tới tối ưu hóa công tác chỉ đạo điều hành và nâng cao chất lượng giải quyết TTHC thông qua tích hợp trợ lý ảo AI, liên thông dữ liệu, khai thác tương tác số của người dân.

Theo cô giáo Hà Thị Trà Hương, nghiên cứu thực tế cho thấy người dân thường khó xác định đúng thủ tục, nắm rõ thành phần hồ sơ, mất nhiều thời gian tìm kiếm thông tin... Việc chuyển tiếp qua nhiều bộ phận đôi khi tạo ra bước lặp, làm tăng thời gian chờ đợi. Trong khi, bộ phận "Một cửa" phải chịu áp lực lớn với những câu hỏi hướng dẫn lặp đi lặp lại.

Giải quyết bài toán đó, mô hình "Phường số thông minh" được thiết kế dựa trên 4 trụ cột chính. Trong đó, trợ lý ảo AI phục vụ người dân 24/7: tích hợp trên Zalo OA của phường, cổng giao tiếp điện tử, các nền tảng số để hỗ trợ xác định nhu cầu, gợi ý thủ tục, hướng dẫn thành phần hồ sơ, giải đáp thắc mắc dựa trên kho tri thức đã được kiểm duyệt. Kho tri thức hành chính số: chuẩn hóa toàn bộ thông tin về thủ tục, đối tượng, thời hạn, kết quả, cơ quan tiếp nhận. Cơ chế liên thông và điều phối số: hạn chế việc yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin đã có thể khai thác hợp pháp. Dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành (Dashboard): tổng hợp dữ liệu tương tác giúp lãnh đạo nhận diện nhu cầu thực tế, điểm nghẽn để kịp thời điều chỉnh nguồn lực và quy trình.

**Lan tỏa rộng khắp phong trào đổi mới sáng tạo**

Không riêng phường Hai Bà Trưng, phong trào thi đua tìm kiếm sáng kiến cải cách hành chính đang được triển khai sôi nổi tại nhiều địa bàn khác. Điển hình tại Vĩnh Tuy, từ giữa tháng 3/2026 Ủy ban nhân dân phường đã ban hành Kế hoạch tổ chức phong trào thi đua "cải cách hành chính đồng bộ - Chính quyền phục vụ nhân dân" giai đoạn 2026-2030, với mục tiêu đến năm 2030 đạt tối thiểu 80% tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, 100% số hóa hồ sơ…

Tiêu biểu có thể kể đến những mô hình ứng dụng bản đồ số quản lý di tích, "Trợ lý ảo Vĩnh Tuy" trên Zalo OA..., cùng 2 dự án mang lại hiệu quả xã hội sâu rộng là "Xây dựng hệ thống internet, wifi miễn phí tại tuyến phố Minh Khai" và "Hệ thống hội nghị trực tuyến kết nối 5 điểm nhà sinh hoạt cộng đồng"

Là người trực tiếp xây dựng mô hình hệ thống hội nghị trực tuyến này, chuyên viên Nguyễn Hồng Lĩnh, Phòng Văn hóa - Xã hội phường Vĩnh Tuy chia sẻ, trước đây mỗi khi phường tổ chức hội nghị, tuyên truyền, phổ biến chính sách đến các tổ dân phố, người dân phải tập trung tại một địa điểm hoặc cán bộ phải tổ chức nhiều cuộc họp riêng. Khoảng 500 người di chuyển về địa điểm trung tâm, thời gian tổ chức và đi lại khoảng 1 giờ, tốn kém chi phí phục vụ cuộc họp...

Từ tháng 8/2026 đến nay, với hệ thống hội nghị trực tuyến kết nối đồng thời điểm trung tâm với 5 nhà sinh hoạt cộng đồng được vận hành hiệu quả, người dân có thể tham dự tại địa điểm gần nơi cư trú, tương tác trực tiếp với điểm cầu trung tâm. Những con số thể hiện rõ kết quả khả quan: kết nối 1 điểm trung tâm và 5 điểm nhà sinh hoạt cộng đồng cùng lúc; số người được phục vụ đạt tới 500 người/500 người có nhu cầu (100%); giảm số cuộc họp trực tiếp từ 10 cuộc chỉ còn 1 cuộc kết nối đồng thời; thời gian đi lại của người dân giảm khoảng 50 phút/cuộc; tiết kiệm chi phí đi lại và phục vụ khoảng 100.000 đồng/cuộc họp. Cùng đó, giúp người dân tăng khả năng tiếp cận thông tin, tham gia hội nghị, tiếp nhận thông tin chính thống ngay tại khu dân cư.

Có thể thấy những sáng kiến cải cách hành chính sôi nổi khắp thành phố đang khẳng định chuyển biến tư duy từ "hành chính" sang "phục vụ", nhờ các giải pháp công nghệ, trí tuệ nhân tạo, cải tiến quy trình được đưa từ trang giấy vào thực tiễn đời sống một cách bài bản và thực chất, giúp chính quyền cơ sở ngày càng gắn kết chặt chẽ với người dân, tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy kinh tế - xã hội Thủ đô trong kỷ nguyên số.

*Nguồn: hanoimoi.vn*

# THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: THỰC HIỆN ĐỒNG BỘ NHIỀU NHIỆM VỤ ĐỂ CẢI THIỆN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2026

Tại Báo cáo số 28398/BC-SNV ngày 05/11/2026 của Sở Nội vụ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả dự báo Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2026, cho biết tính đến ngày 30/10/2026, điểm tự đánh giá của thành phố dự kiến đạt 62,156/68 điểm, bị trừ 5,84 điểm so với mức tối đa.

Theo báo cáo, dự thảo Bộ tiêu chí xác định PAR INDEX cấp tỉnh mới nhất, khung đánh giá gồm 8 lĩnh vực, 41 tiêu chí và 97 tiêu chí thành phần với tổng thang điểm là 100. Trong đó, điểm điều tra xã hội học chiếm 32 điểm và điểm tự đánh giá (có sự thẩm định của Bộ Nội vụ) chiếm 68 điểm.

Qua rà soát 97 tiêu chí thành phần, Thành phố Hồ Chí Minh có 82 tiêu chí dự báo đạt điểm tối đa. Có 3 tiêu chí cần tiếp tục phấn đấu để chạm mức tối đa và 12 tiêu chí dự báo không đạt điểm trọn vẹn, đòi hỏi sự nỗ lực cao để hạn chế việc bị trừ thêm điểm. Riêng tiêu chí về tỷ trọng kinh tế số trong GRDP chưa có cơ sở dự báo do thuộc thẩm quyền đánh giá độc lập của Bộ Nội vụ và Cục Thống kê.

Cũng theo báo cáo trên, xét theo từng lĩnh vực, "Cải cách chế độ công vụ" dự báo đạt điểm tuyệt đối 7/7 điểm. Bảy lĩnh vực còn lại đều ghi nhận mức trừ điểm khác nhau. Cụ thể: "Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước" bị trừ 3,273 điểm (đạt 11,727/15 điểm); "Cải cách thủ tục hành chính" bị trừ 1,151 điểm (đạt 6,849/8 điểm); "Tác động của cải cách hành chính đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội" bị trừ 0,897 điểm (đạt 7,103/8 điểm). Các lĩnh vực

khác, dự báo điểm như sau: "Cải cách tổ chức bộ máy": (6,25/6,5 điểm), "Cải cách thể chế": (5,84/6 điểm), "Cải cách tài chính công": (7,927/8 điểm) và "Công tác chỉ đạo, điều hành": (9,46/9,5 điểm).

Báo cáo phân tích, chỉ rõ nhiều nguyên nhân làm mất điểm như: Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận giải quyết đúng hạn chỉ đạt 91% (dưới ngưỡng quy định 95%); tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình mới đạt 12,5% (dưới mức chuẩn 60%); tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình chỉ đạt 23,66% (bị trừ 1,15 điểm) và tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 56,71% (bị trừ 0,25 điểm).

Ngoài ra, ở nhóm chuyển đổi số và thể chế, tỷ lệ ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công chức cấp xã hiện đạt khoảng 52,4% (5.000/9.537 người; bị trừ 0,24 điểm); việc kết nối, sử dụng chính thức dịch vụ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) đạt 21/29 cơ sở dữ liệu (bị trừ 0,28 điểm). Ngoài ra, chậm trễ trong xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật cũng làm giảm 0,16 điểm ở lĩnh vực cải cách thể chế.

**Thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ nâng cao PAR INDEX**

Trước thực trạng trên và căn cứ theo đề xuất của Sở Nội vụ, ngày 09/11/2026, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có Văn bản số 11055/UBND-XV chỉ đạo đôn đốc các sở, ban, ngành và địa phương khẩn trương triển khai các giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao PAR INDEX năm 2026.

Theo đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu phải thực hiện nghiêm trách nhiệm người đứng đầu trong công tác kiểm tra, tự kiểm tra và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Các đơn vị này phải chịu trách nhiệm trực tiếp trước Ủy ban nhân dân thành phố đối với những nội dung bị Bộ, ngành Trung ương đánh giá không tốt, làm ảnh hưởng đến kết quả chung của thành phố.

Bên cạnh đó, các cơ quan, địa phương cần tập trung đẩy nhanh tiến độ giải quyết thủ tục hành chính, kiên quyết không để xảy ra tình trạng hồ sơ trễ hạn. Thành phố cũng nhấn mạnh yêu cầu nâng cao tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình, thanh toán trực tuyến và số hóa hồ sơ. Đồng thời, công tác tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp về thủ tục hành chính cũng như văn bản quy phạm pháp luật trên hệ thống thông tin phải được thực hiện kịp thời, hiệu quả.

Đối với nhóm các cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc nhiệm vụ cải cách hành chính (Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Công an thành phố; các sở: Nội vụ, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Tài chính….) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu chủ động tham mưu giải pháp đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao.

Đặc biệt, hằng tháng, trước ngày 20, các cơ quan đầu mối phải gửi báo cáo dự báo kết quả PAR INDEX theo lĩnh vực phụ trách kèm tài liệu kiểm chứng về Sở Nội vụ để tổng hợp, đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin tự đánh giá, chấm điểm.

*Nguồn: daibieunhandan.vn*

# LẠNG SƠN: NHỮNG SÁNG KIẾN VÌ DÂN

Cùng với thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đang chú trọng xây dựng, nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, gắn với yêu cầu giải quyết công việc cụ thể của người dân, doanh nghiệp.

Không chờ người dân đến trụ sở, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Hữu Liên đã triển khai mô hình "Hành chính công lưu động, Chủ nhật về với Nhân dân", chủ động mang thiết bị đến các thôn, trực tiếp tiếp nhận hồ sơ, hướng dẫn thủ tục và hỗ trợ sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Theo kế hoạch, từ ngày 11/10/2026 đến hết ngày 31/12/2026, tại mỗi điểm, cán bộ chuẩn bị máy tính, máy in, máy quét cùng các thiết bị cần thiết để hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả đối với những thủ tục đủ điều kiện giải quyết tại chỗ; tư vấn thành phần hồ sơ, hỗ trợ số hóa giấy tờ và hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Ông Triệu Đức Hoan, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Hữu Liên cho biết: Đến nay, chúng tôi đã triển khai mô hình ở 6/9 thôn của xã, thu hút hơn 300 lượt người dân đến thực hiện, tìm hiểu quy trình thủ tục hành chính. Qua bước đầu triển khai, mô hình không chỉ đáp ứng nhu cầu giải quyết công việc trước mắt, hoạt động này còn giúp người dân từng bước tiếp cận, làm quen với các nền tảng số, nâng cao kỹ năng thực hiện giao dịch hành chính trên môi trường điện tử.

Cùng với cách làm lưu động, việc mở rộng thời gian tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính ngoài giờ hành chính cũng đang được một số địa phương triển khai. Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Lương Văn Tri, việc tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính vào ngày thứ Bảy được tổ chức vào tuần giữa hằng tháng. Nội dung phục vụ tập trung vào tiếp nhận, trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền đã công bố; hướng dẫn, giải đáp những vướng mắc liên quan đến quy trình, thành phần hồ sơ và cách thức thực hiện thủ tục. Để duy trì hoạt động, trung tâm bố trí công chức trực, phân công nhiệm vụ cụ thể, bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và quán triệt tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính với phương châm vì Nhân dân phục vụ.

Bên cạnh những mô hình trực tiếp hỗ trợ người dân giải quyết thủ tục hành chính, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh còn nghiên cứu, triển khai nhiều sáng kiến gắn với ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Tiêu biểu như mô hình thí điểm "Trạm dịch vụ công số" tại 10 Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường, tính đến nay, các trạm có hơn 23.000 lượt người tiếp cận, hầu hết người dân khi được sử dụng có phản hồi tích cực về mô hình này.

Thực tế cho thấy, hiệu quả của các sáng kiến cải cách hành chính không chỉ nằm ở việc hình thành thêm mô hình mới mà quan trọng hơn là khả năng giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn. Khi mỗi quy trình được đơn giản hóa, mỗi thủ tục được giải quyết thuận tiện hơn và mỗi người dân được hỗ trợ kịp thời, hiệu quả cải cách hành chính không chỉ thể hiện qua những con số mà còn được cảm nhận từ chính sự hài lòng của người dân.

*Nguồn: baolangson.vn*

# LÀO CAI: 98,6% HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THUẾ ĐƯỢC GIẢI QUYẾT ĐÚNG HẠN

Xác định cải cách hành chính, chuyển đổi số là nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và tạo thuận lợi cho người nộp thuế, Thuế tỉnh Lào Cai đã tập trung ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính. Việc khai thác dữ liệu điện tử được đẩy mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả theo dõi, phân tích, kiểm soát nghĩa vụ thuế và xử lý công việc.

Đến nay, 100% doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện khai thuế, nộp thuế và sử dụng hóa đơn điện tử. Trong công tác hoàn thuế, 95% hồ sơ được giải quyết đúng hạn, đưa Lào Cai đứng thứ 10/34 tỉnh, thành phố về kết quả giải quyết hoàn thuế. Đáng chú ý, 99% hồ sơ hoàn thuế thu nhập cá nhân được thực hiện bằng phương thức điện tử.

Đối với hộ kinh doanh, ngành thuế chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng ứng dụng eTax Mobile. Đến ngày 15/11/2026, có 98% hộ kinh doanh đã cài đặt ứng dụng, phục vụ tra cứu thông tin, kê khai, nộp thuế và gửi phản ánh, kiến nghị đến cơ quan thuế. Qua đó, giúp người nộp thuế chủ động hơn trong thực hiện nghĩa vụ, tiếp cận các dịch vụ thuế thuận tiện, nhanh chóng.

Cùng với đó, Thuế tỉnh Lào Cai tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích, đánh giá dữ liệu người nộp thuế, phục vụ công tác quản lý tuân thủ và quản lý rủi ro.

Việc đưa các nền tảng số vào hoạt động chuyên môn hằng ngày cũng góp phần thay đổi phương thức làm việc, nâng cao năng suất và hiệu quả công tác của đội ngũ công chức thuế.

Với những giải pháp đồng bộ, tỷ lệ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đúng hạn của ngành thuế đạt 98,6%, cao hơn mức bình quân chung toàn ngành. Thời gian tới, Thuế tỉnh Lào Cai tiếp tục chuẩn hóa dữ liệu người nộp thuế, đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, nâng cao chất lượng hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hướng tới xây dựng ngành thuế hiện đại, chuyên nghiệp, minh bạch.

*Nguồn: baolaocai.vn*

# THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐƯA NGHỊ QUYẾT 29-NQ/TW VÀO CUỘC SỐNG TỪ CƠ SỞ

Chuyển biến rõ nét ở cơ sở tại thành phố Hải Phòng bắt nguồn từ sự lãnh đạo quyết liệt của cấp ủy và cách điều hành linh hoạt của chính quyền trong việc cụ thể hóa văn bản cấp trên sát điều kiện địa bàn.

Nhìn từ thực tiễn tại phường Phù Liễn (thành phố Hải Phòng), có thể thấy rõ tinh thần của Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 15/10/2026 về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong kỷ nguyên mới đang từng bước đi vào chiều sâu.

Khi cấp ủy chuyển mạnh từ chỉ đạo chung chung sang ban hành văn bản sát việc, phân công rõ người, rõ trách nhiệm và kiểm tra thường xuyên, bộ máy chính quyền cơ sở có đủ điểm tựa để chủ động, linh hoạt trong điều hành. Chính sự đổi mới phương thức lãnh đạo ở từng địa bàn cơ sở là nhân tố quyết định để khơi thông nguồn lực tại chỗ và nâng cao hiệu quả phục vụ Nhân dân.

Tại phường Phù Liễn, chuyển đổi số được triển khai bài bản ngay từ khâu ban hành chủ trương. Từ đầu năm 2026, cả hệ thống chính trị của phường đã vào cuộc đồng bộ, đưa các nghị quyết và chỉ đạo đi thẳng vào thực tiễn đời sống.

Bí thư Đảng ủy phường Phù Liễn Bùi Thị Tuyết Mai chia sẻ phường xác định chuyển đổi số không phải là phong trào hình thức hay chạy theo chỉ tiêu, mà là cách thức bắt buộc để đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân của chính quyền. Khi cấp ủy đã định hướng rõ, mọi khâu từ kiểm tra, giám sát đến điều hành của bộ máy đều phải chuyển động cùng nhịp.

Từ những quyết sách sát sườn ấy, hạ tầng số và phương thức làm việc tại Phù Liễn nhanh chóng thay đổi diện mạo. Toàn bộ các cuộc họp của Đảng ủy, Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân phường được vận hành theo mô hình "phòng họp không giấy tờ" trên nền tảng văn phòng điện tử và thiết bị mật mã bảo đảm an toàn thông tin.

Tỷ lệ xử lý văn bản, ký số của cán bộ, công chức đạt mức tối đa, đồng thời dữ liệu đảng viên và hồ sơ chuyên ngành đều được đồng bộ trên các hệ thống dùng chung như Phần mềm Quản lý đảng viên 4.0 hay hệ thống điều hành thông minh eGov-DSS.

Đặc biệt, phường đã cụ thể hóa chủ trương phát triển khoa học công nghệ bằng mô hình “Phường Phù Liễn đổi mới sáng tạo” đưa công nghệ trực tiếp vào các khâu vốn nhiều áp lực như quản lý đất đai, hộ tịch và chính sách xã hội.

Hiệu quả của bộ máy số được đo bằng chính sự thuận tiện của người dân. Chỉ trong hơn 5 tháng đầu năm 2026, Trung tâm Phục vụ hành chính công phường tiếp nhận 16.550 hồ sơ thì có tới 15.882 hồ sơ nộp trực tuyến; toàn bộ hồ sơ đã giải quyết đều đúng và trước hạn.

Hạ tầng và tiện ích số cũng được đầu tư đồng bộ xuống tận khu dân cư, với 14/14 nhà văn hóa tổ dân phố phủ sóng wifi miễn phí, hệ thống truyền thanh số mở rộng lên 113 cụm loa và hơn 15,4 tỷ đồng ngân sách được chi để hiện đại hóa phòng học thông minh. Nhờ sự bám sát địa bàn của gần 300 thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng, khoảng 3.000 thiết bị của người dân đã được cài đặt các ứng dụng thiết yếu; 100% trường học thanh toán không dùng tiền mặt, toàn bộ 2.433 người có công và đối tượng bảo trợ xã hội nhận trợ cấp qua tài khoản, cùng trên 80% hộ kinh doanh tại chợ dân sinh duy trì thói quen thanh toán qua mã QR.

**Giải quyết việc dân ngay tại cơ sở**

Nếu phường Phù Liễn chọn công nghệ làm đòn bẩy quản trị thì tại xã Kiến Hưng, sự đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành lại thể hiện rõ qua cách chính quyền chủ động bước ra khỏi trụ sở để đối thoại trực tiếp với nhân dân.

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, xã Kiến Hưng mới có diện tích tự nhiên 21,02km2, dân số 28.044 người sinh sống tại 11 thôn. Địa bàn

rộng, dân số đông khiến khối lượng công việc phát sinh hằng ngày về đất đai, trật tự xây dựng, vệ sinh môi trường và an sinh xã hội tăng lên đáng kể.

Thực tế cho thấy nếu chỉ dựa vào các cuộc tiếp công dân định kỳ tại trụ sở hay chờ báo cáo hành chính theo tuyến, nhiều vướng mắc nhỏ trong dân sinh dễ bị chậm trễ, tích tụ thành bức xúc kéo dài, trong khi nhiều người dân vẫn còn tâm lý e ngại khi phải tới công sở trình bày kiến nghị.

Vào sáng thứ Bảy hằng tuần (tối thiểu 2 buổi mỗi tháng), lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã cùng đại diện các bộ phận chuyên môn trực tiếp gặp gỡ người dân tại quán cà phê, nhà văn hóa, đình làng hay khu sinh hoạt cộng đồng. Với phương châm "Lắng nghe tại chỗ - Giải thích tại chỗ - Hướng dẫn tại chỗ", cách làm này đảo ngược lối mòn tiếp dân truyền thống, thay vì để người dân tìm đến cơ quan công quyền, chính quyền chủ động đến với không gian sinh hoạt thường nhật của Nhân dân.

Tại mỗi buổi trà sáng, không khí cởi mở giúp người dân thẳng thắn phản ánh những vướng mắc trong sản xuất, đời sống hay thủ tục hành chính. Với các nội dung rõ thẩm quyền, lãnh đạo xã giải thích và xử lý ngay tại bàn; với những việc cần xác minh hoặc phối hợp liên ngành, Văn phòng Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân xã tổng hợp, tham mưu ban hành thông báo kết luận của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã, ấn định rõ cơ quan phụ trách cùng thời hạn trả lời. Quy trình khép kín từ tiếp nhận, xử lý đến giám sát và phản hồi kết quả giúp ngăn chặn tình trạng đùn đẩy, hạn chế đơn thư vượt cấp, đồng thời không phát sinh thêm biên chế hay chi phí tổ chức.

Sau 14 buổi trà đàm được tổ chức (tính đến ngày 06/11/2026), mô hình đã thu hút hơn 594 lượt đại biểu và người dân tham dự, tiếp nhận 182 ý kiến, kiến nghị.

Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã đã trực tiếp trao đổi, giải đáp 105 nội dung ngay tại buổi gặp gỡ; 77 nội dung còn lại được giao các phòng chuyên môn kiểm tra, xác minh và đến nay đã giải quyết dứt điểm 61 nội dung, 9 nội dung đang tiếp tục hoàn tất theo lộ trình và 7 nội dung thực hiện thường xuyên.

Chia sẻ về chuyển biến từ cách làm này, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã Kiến Hưng Phạm Văn Định cho biết, ngồi cùng bàn trà với bà con vào sáng cuối tuần giúp chính quyền nắm bắt rất nhanh những việc nhỏ nhưng thiết thực ngay từ khi mới manh nha ở thôn, xóm. Khi người đứng đầu trực tiếp lắng nghe và ấn định thời hạn giải quyết công khai, kỷ luật công vụ của đội ngũ cán bộ chuyên môn cũng được siết chặt hơn, tạo sự đồng thuận rõ rệt trong cộng đồng.

**Đồng bộ giải pháp để bộ máy vận hành thông suốt**

Từ thực tế triển khai "phòng họp không giấy tờ" và dịch vụ công trực tuyến ở phường Phù Liễn đến những buổi trà sáng đối thoại với nhân dân tại xã Kiến Hưng, có thể thấy rõ hiệu quả quản trị ở cơ sở bắt nguồn từ sự chủ động của cấp ủy và tinh thần sâu sát của người đứng đầu. Dù chọn công nghệ số để rút ngắn quy trình xử lý công việc hay chọn đối thoại trực tiếp để thu hẹp khoảng cách với người dân, điểm mấu chốt vẫn là cụ thể hóa chủ trương sát với đặc thù địa bàn, gắn trách nhiệm giải trình của từng cán bộ với sự hài lòng của nhân dân. Khi việc gì cũng rõ người phụ trách, rõ thời hạn giải quyết và được kiểm tra thường xuyên, bộ máy cơ sở sẽ vận hành thông suốt, xử lý dứt điểm những vướng mắc phát sinh ngay từ đầu.

Theo Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng Hoàng Minh Cường, trong quý 4 năm 2026, thành phố tiếp tục tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ cải cách hành chính theo Kế hoạch năm 2026, đồng thời chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm việc tiếp tục đổi mới tư duy quản lý, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu và chất lượng thực thi công vụ.

Cùng với đó, thành phố đẩy mạnh kiểm tra, giám sát, theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ và ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành, đánh giá kết quả thực hiện công việc theo thời gian thực nhằm bảo đảm công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả quản trị. Công tác rà soát, sắp xếp, hoàn thiện tổ chức bộ máy cũng được chú trọng để nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Bên cạnh đó, Hải Phòng đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, năng lực quản trị, kỹ năng xử lý công việc, đi đôi với việc xây dựng cơ chế thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực y tế, xây dựng, giao thông, quy hoạch và công nghệ thông tin. Thành phố cũng tập trung nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị công nghệ thông tin, hạ tầng số và điều kiện làm việc tại cơ sở, tiếp tục rà soát, sắp xếp trụ sở làm việc theo hướng tập trung, đồng bộ để đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, điều hành trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Cuối cùng, công tác tập trung xây dựng, chuẩn hóa, làm sạch và liên thông dữ liệu giữa các ngành, lĩnh vực được đẩy mạnh nhằm nâng cao hiệu quả khai thác dữ liệu, phục vụ thiết thực cho công tác chỉ đạo, điều hành và dự báo phát triển kinh tế - xã hội.

Có thể nói, khi đội ngũ cán bộ cơ sở thực sự sâu sát thực tế, coi sự phiền hà của dân là việc của chính mình, thì mọi chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của thành phố đều đi vào đời sống một cách bền bỉ và tự nhiên, bồi đắp niềm tin và sự đồng thuận vững chắc cho hành trình phát triển của thành phố Cảng.

*Nguồn: vietnamplus.vn*

# NINH BÌNH: TẬP HUẤN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2026

Ngày 18/11/2026, Sở Nội vụ tổ chức hội nghị tập huấn công tác cải cách hành chính năm 2026 cho lãnh đạo, công chức phụ trách công tác cải cách hành chính thuộc các sở, ban, ngành của tỉnh; phòng Văn hóa - Xã hội và Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường trên địa bàn toàn tỉnh.

Phát biểu tại hội nghị, lãnh đạo Sở Nội vụ nêu rõ, cải cách hành chính luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt nhằm xây dựng nền hành chính Nhà nước hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, minh bạch và hiệu quả. Đây không chỉ là nhiệm vụ thường xuyên của bộ máy Nhà nước, mà còn là một trong những động lực quan trọng để nâng cao năng

lực quản trị, cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với chính quyền.

Năm 2026 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với tỉnh Ninh Bình trong quá trình tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả vận hành chính quyền địa phương hai cấp và xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, công khai, minh bạch, phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

Vì vậy, yêu cầu đặt ra không đơn thuần là thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo kế hoạch, mà phải đổi mới cách tiếp cận cải cách hành chính theo hướng lấy kết quả thực chất làm thước đo, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm trung tâm và lấy hiệu quả vận hành của bộ máy làm mục tiêu.

Tại hội nghị tập huấn, các học viên được quán triệt các chủ trương mới về cải cách hành chính nhà nước, gắn với yêu cầu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương; hướng dẫn rà soát, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, kỹ năng sử dụng phần mềm chấm điểm chỉ số cải cách hành chính; nâng cao chất lượng tham mưu, bảo đảm kết quả báo cáo phản ánh đúng trải nghiệm của người dân, doanh nghiệp, đồng thời tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Thông qua hội nghị, các học viên sẽ nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về cải cách hành chính. Từ đó nắm rõ các yêu cầu cốt lõi: cải cách hành chính phục vụ phát triển; Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; Trách nhiệm của người đứng đầu; CCHC gắn với chuyển đổi số; Vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp; Kỷ luật, kỷ cương và đánh giá bằng kết quả.

Được biết, định hướng của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026 - 2030 là gắn cải cách hành chính với chuyển đổi số để phục vụ mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2026 từ 11% trở lên; tập trung nâng cao chỉ số PAR INDEX và SIPAS, phấn đấu thuộc nhóm dẫn đầu cả nước.

Theo công bố của Bộ Nội vụ, Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Ninh Bình năm 2025 xếp thứ 4/34 tỉnh, thành phố, xếp thứ 3/6 tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Hồng, chỉ sau các thành phố Hải Phòng, Quảng Ninh. Đây là kết quả đáng ghi nhận, đồng thời đặt ra yêu cầu cao hơn đối với công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện cải cách hành chính trong năm 2026.

*Nguồn: baoninhbinh.org.vn*

# HÀ TĨNH: TĂNG TỐC CHUẨN HÓA 12 CƠ SỞ DỮ LIỆU Y TẾ

Thực hiện chiến dịch 90 ngày làm sạch dữ liệu, ngành Y tế Hà Tĩnh đã đạt tỷ lệ cập nhật, chuẩn hóa từ 97% trở lên, có những dữ liệu đạt 100%, tạo nền tảng quan trọng cho quản lý và chăm sóc sức khỏe người dân trên môi trường số.

Thực hiện Kế hoạch số 1248/KH-BYT ngày 06/7/2026 của Bộ Y tế và Công văn số 7010/UBND-VX5 ngày 17/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu

12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế, đầu tháng 9/2026, Sở Y tế Hà Tĩnh phát động chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu toàn ngành. Với sự chỉ đạo quyết liệt và phối hợp đồng bộ từ tuyến tỉnh đến cơ sở, chiến dịch đã đạt nhiều kết quả tích cực.

Tại Trạm Y tế xã Cẩm Xuyên, ngay sau khi nhận được hướng dẫn của Sở Y tế và các đơn vị chuyên môn, cán bộ, nhân viên trạm đã tập trung rà soát, đối chiếu, cập nhật thông tin trên các hệ thống dữ liệu. Đến nay, đơn vị đã hoàn thành làm sạch 100% dữ liệu thuộc các lĩnh vực: tiêm chủng; an toàn thực phẩm; nhân lực y tế; hành nghề và hoạt động khám bệnh, chữa bệnh; môi trường cơ sở y tế; sức khỏe bà mẹ, trẻ em/sức khỏe sinh sản; người làm công tác xã hội.

Bác sĩ Nguyễn Thùy Phong - Giám đốc Trạm Y tế xã Cẩm Xuyên cho biết: "Để đạt kết quả như trên, chúng tôi đã thành lập các tổ rà soát theo từng lĩnh vực, phân công cụ thể cán bộ phụ trách, đồng thời yêu cầu tập trung cao độ, tranh thủ thời gian làm cả ngày nghỉ, ngoài giờ hành chính để đẩy nhanh tiến độ. Quá trình thực hiện, các tổ vừa rà soát hồ sơ, vừa đối chiếu dữ liệu trên các phần mềm chuyên ngành, kịp thời bổ sung, điều chỉnh những thông tin còn thiếu hoặc chưa chính xác".

Là đơn vị được Sở Y tế giao chủ trì hướng dẫn, đôn đốc các địa phương, cơ sở y tế chuẩn hóa 4 dữ liệu thuộc các lĩnh vực chuyên môn, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Tĩnh đã chủ động triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ. Cùng với tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, trung tâm còn phân công cán bộ chuyên môn trực tiếp hỗ trợ các trạm y tế rà soát, đối chiếu, bổ sung và chuẩn hóa thông tin.

Theo cập nhật của Sở Y tế, đến nay, cả 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành đều đạt tỷ lệ cập nhật, chuẩn hóa từ 97 - 100%. Trong đó, các cơ sở dữ liệu đã hoàn thành 100%, gồm: môi trường cơ sở y tế; an toàn thực phẩm; hành nghề và hoạt động khám bệnh, chữa bệnh; nhân lực y tế; quản lý trẻ em; sức khỏe bà mẹ, trẻ em/sức khỏe sinh sản. Các cơ sở dữ liệu còn lại cũng cơ bản hoàn thành việc rà soát, cập nhật, đang tiếp tục đối soát, xác thực với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông qua sự phối hợp giữa Bộ Y tế và Bộ Công an.

Những kết quả này không chỉ thể hiện nỗ lực của ngành y tế trong thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số mà còn tạo tiền đề quan trọng để đổi mới phương thức quản lý, nâng cao chất lượng phục vụ người dân.

Theo ông Lê Chánh Thành - Phó Giám đốc Sở Y tế Hà Tĩnh, dữ liệu được làm sạch, chuẩn hóa sẽ giúp cơ quan quản lý nắm bắt chính xác tình hình thực tế, cập nhật kịp thời diễn biến của từng lĩnh vực. Trên cơ sở đó, ngành có thể tham mưu hoạch định chính sách, phân bổ nguồn lực, giao chỉ tiêu phù hợp với nhu cầu thực tiễn, hạn chế tình trạng ước tính số liệu hoặc tổng hợp thủ công qua nhiều cấp báo cáo.

Đặc biệt, lợi ích của dữ liệu y tế sạch được thể hiện trực tiếp qua quyền lợi của mỗi người dân. Khi thông tin được chuẩn hóa, xác thực và kết nối, mỗi người có điều kiện hình thành sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID, từng bước quản lý sức khỏe xuyên suốt theo vòng đời. Khi đến khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế, người bệnh có thể được tra cứu tiền sử bệnh, kết quả xét nghiệm, đơn thuốc và các thông tin liên quan, qua đó hạn chế chỉ định trùng lặp, tiết kiệm thời gian, chi phí.

Cùng đó, dữ liệu được kết nối, liên thông còn giúp đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế và bảo trợ xã hội. Thông tin của người dân có thể được khai thác, tự động điền vào các biểu mẫu, giảm yêu cầu kê khai lại, hạn chế việc nhập liệu nhiều lần trên các phần mềm khác nhau.

Từ những kết quả bước đầu của chiến dịch 90 ngày, ngành Y tế Hà Tĩnh đang từng bước xây dựng nền tảng dữ liệu đồng bộ, chính xác và có khả năng kết nối, chia sẻ. Đây là tiền đề quan trọng để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, thúc đẩy cải cách hành chính, chuyển đổi số, góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

*Nguồn: baohatinh.vn*

# GIA LAI: TRIỂN KHAI PHONG TRÀO THI ĐUA "DÂN VẬN KHÉO"

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai vừa ban hành Kế hoạch số 452/KH-UBND về triển khai phong trào thi đua "Dân vận khéo" giai đoạn 2026 - 2030, với trọng tâm xây dựng các mô hình thiết thực, gắn với cải cách hành chính, chuyển đổi số, giải quyết những vấn đề nhân dân quan tâm.

Điểm mới đáng chú ý của kế hoạch là việc quy định khung đánh giá mô hình "Dân vận khéo" theo thang điểm 100, gồm 8 tiêu chí, tập trung vào mức độ phù hợp với chủ trương, chính sách và yêu cầu thực tiễn; công tác tổ chức thực hiện; sự tham gia của nhân dân; hiệu quả mang lại; tính sáng tạo, khả năng duy trì, nhân rộng và mức độ đồng tình, ủng hộ của các đối tượng liên quan.

Phong trào được triển khai gắn với nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền, tạo sự đồng thuận trong thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Việc xây dựng, đánh giá và công nhận mô hình phải phù hợp với điều kiện thực tiễn, có kết quả cụ thể, tránh chạy theo số lượng và thành tích hình thức.

Trong đó, ưu tiên xây dựng các mô hình "Dân vận khéo" trong cải cách hành chính, chuyển đổi số, nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương chú trọng đổi mới phương thức phục vụ nhân dân, tăng cường đối thoại, lắng nghe, kịp thời giải quyết kiến nghị, phản ánh và nguyện vọng chính đáng của người dân; đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng phục vụ triển khai các công trình, dự án trọng điểm.

Bên cạnh đó, phong trào khuyến khích xây dựng các mô hình phát triển kinh tế, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, bảo vệ môi

trường, giảm nghèo bền vững, chăm sóc sức khỏe nhân dân và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

Các mô hình tự quản về an ninh, trật tự, bảo vệ biên giới, phòng, chống tội phạm và phát huy vai trò của nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng, chính quyền cũng được chú trọng triển khai.

Để được xem xét công nhận, mô hình phải đáp ứng các tiêu chí chung, đạt từ 80/100 điểm trở lên và không có tiêu chí nào đạt dưới 50% số điểm tối đa. Việc chấm điểm phải căn cứ vào kết quả thực hiện, hồ sơ, tài liệu minh chứng cụ thể, bảo đảm khách quan, công khai, phản ánh đúng hiệu quả của mô hình.

Những mô hình có tác động tích cực, giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh từ thực tiễn, được nhân dân đồng tình và có khả năng nhân rộng sẽ được ưu tiên xem xét.

Theo hướng dẫn, các cơ quan, đơn vị, tập thể và cá nhân đăng ký xây dựng mô hình với lãnh đạo cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp; đối với mô hình triển khai tại cộng đồng dân cư, việc đăng ký thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã, phường.

Thời gian đăng ký hoàn thành trong tháng 12 hằng năm; đồng thời cho phép bổ sung trong năm đối với các mô hình mới, sáng tạo hoặc xuất phát từ yêu cầu thực tiễn.

Việc đánh giá, công nhận mô hình được thực hiện định kỳ hằng năm, hoàn thành chậm nhất ngày 15/10. Đối với mô hình tiêu biểu cấp tỉnh, ưu tiên lựa chọn những mô hình đã được công nhận và duy trì hiệu quả từ 2 năm trở lên.

Trường hợp mô hình có tính mới, sáng tạo, mang lại hiệu quả nổi bật có thể được xem xét trên cơ sở kết quả thực tế và minh chứng cụ thể. Hoạt động biểu dương, khen thưởng các điển hình dự kiến tổ chức nhân dịp kỷ niệm 100 năm Ngày truyền thống công tác dân vận của Đảng (15/10/1930 - 15/10/2030) hoặc theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Để phong trào đi vào thực chất, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả triển khai; gắn kết quả thực hiện phong trào "Dân vận khéo", nhất là công tác dân vận chính quyền, với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm.

*Nguồn: baogialai.com.vn*

# KHÁNH HÒA: SỞ XÂY DỰNG ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP

Sở Xây dựng Khánh Hòa vừa ban hành Kế hoạch cải cách hành chính của sở giai đoạn 2026 - 2030. Kế hoạch đặt ra nhiều mục tiêu cụ thể nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Theo kế hoạch, Sở Xây dựng tập trung triển khai đồng bộ 6 nội dung cải cách hành chính, gồm: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số. Trong đó, trọng tâm là tháo gỡ những rào cản, điểm nghẽn về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính và dữ liệu số; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu.

Đáng chú ý, giai đoạn 2026 - 2027, sở phấn đấu tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến đạt ít nhất 80%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt từ 80%; 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được cấp dưới dạng điện tử; ít nhất 95% hồ sơ được giải quyết đúng hạn. Riêng năm 2026, sở đặt mục tiêu cắt giảm ít nhất 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Đồng thời, tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã số hóa đạt ít nhất 90%.

Trong giai đoạn 2028 - 2030, sở đặt mục tiêu mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt ít nhất 95%, riêng lĩnh vực xây dựng đạt ít nhất 90%. Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến đạt 90%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt ít nhất 90%; mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu đạt cấp độ 4. Sở cũng phấn đấu đưa Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) vào nhóm 5 đơn vị dẫn đầu khối sở, ban, ngành của tỉnh.

Để thực hiện các mục tiêu trên, Sở Xây dựng sẽ thường xuyên rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ và quy trình giải quyết; tăng cường khai thác, tái sử dụng dữ liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành theo nguyên tắc "một lần khai báo, nhiều lần sử dụng". Cùng với đó, đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tăng cường kiểm tra, xử lý tình trạng chậm trễ, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy và chế độ công vụ, sở tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả; hoàn thiện vị trí việc làm, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, đổi mới đánh giá hiệu quả công việc theo kết quả, sản phẩm cụ thể. Đồng thời, chú trọng chuẩn hóa, làm sạch và kết nối dữ liệu ngành Xây dựng, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành trên môi trường số.

Giám đốc Sở Xây dựng giao Văn phòng sở tham mưu triển khai, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch; định kỳ tổng hợp, báo cáo Sở Nội vụ và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định. Kết quả cải cách hành chính được xác định là một trong những căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thi đua, khen thưởng và thực hiện công tác cán bộ.

*Nguồn: baokhanhhoa.vn*

# AN GIANG: CHẤM ĐIỂM TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP XÃ, NGƯỜI DÂN CHIẾM 70% SỐ ĐIỂM

An Giang tổ chức cuộc thi đánh giá chất lượng phục vụ tại các trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã, trong đó ý kiến của người dân và tổ chức chiếm 70/100 điểm. Người từng thực hiện thủ tục hành chính có thể tham gia đánh giá qua mã QR đến hết ngày 15/12/2026.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Nguyễn Thanh Phong vừa ký ban hành Kế hoạch số 669/KH-UBND ngày 16/11/2026 về tổ chức cuộc thi "Đánh giá về chất lượng phục vụ tại các trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026". Cuộc thi nhằm đánh giá khách quan chất lượng phục vụ, phát hiện và nhân rộng các mô hình hiệu quả, góp phần nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức và cải thiện các chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

Theo kế hoạch, thang đánh giá gồm 100 điểm, trong đó 30 điểm từ phiếu tự đánh giá của trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã và 70 điểm từ đánh giá của cá nhân, tổ chức đã trực tiếp hoặc được ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính tại trung tâm. Để tham gia đánh giá, người dân, tổ chức quét mã QR được niêm yết tại các trung tâm hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu để truy cập, trả lời bộ câu hỏi. Thời gian đánh giá từ ngày ban hành kế hoạch đến hết ngày 15/12/2026.

Đối với các trung tâm, lãnh đạo đơn vị phải gửi phiếu tự đánh giá trước ngày 30/11/2026. Số liệu phục vụ tự đánh giá được lấy từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/10/2026. Những tiêu chí yêu cầu tài liệu kiểm chứng nhưng không có minh chứng sẽ không được tự chấm điểm.

Để bảo đảm tính khách quan, tỉnh yêu cầu người hướng dẫn cá nhân, tổ chức quét mã QR không được tác động, can thiệp hoặc định hướng nội dung trả lời, bảo đảm phản ánh trung thực trải nghiệm của người thực hiện thủ tục hành chính.

Cuộc thi có 10 giải tập thể, gồm một giải nhất trị giá 15 triệu đồng, hai giải nhì mỗi giải 10,5 triệu đồng, ba giải ba mỗi giải 7,5 triệu đồng và bốn giải khuyến khích mỗi giải 4,5 triệu đồng. Để được xét giải, trung tâm phải đạt ít nhất 24/30 điểm tự đánh giá và 64/70 điểm do cá nhân, tổ chức đánh giá; đồng thời có từ 30 đến tối đa 50 phiếu đánh giá hợp lệ và đáp ứng thể lệ của Ban Tổ chức.

Việc xét giải kết hợp dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống thông tin với đánh giá thực tế của người dân, tổ chức. Trường hợp số liệu do đơn vị báo cáo chênh lệch với dữ liệu trên hệ thống, ưu tiên sử dụng dữ liệu đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, trừ trường hợp có lỗi kỹ thuật hoặc sai lệch dữ liệu.

*Nguồn: baochinhphu.vn*

# THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI: NỖ LỰC XÂY DỰNG CÔNG DÂN SỐ

Hiện nay, thành phố Đồng Nai đang triển khai nhiều giải pháp xây dựng mô hình tăng trưởng mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn. Đây là một trong những định hướng chiến lược của Nghị quyết số 16-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm thành phố Đồng Nai đặt ra: Chuyển đổi số phải đi vào mọi mặt của đời sống, từ học tập, làm việc đến giao tiếp và sử dụng các dịch vụ thiết yếu... Do đó, mỗi người dân cần có đủ kiến thức, kỹ năng để tiếp cận, làm chủ và ứng dụng công nghệ số trong công việc, sinh hoạt hằng ngày.

Vì vậy, cùng với đầu tư hạ tầng, phát triển các nền tảng và ứng dụng số, Đồng Nai đang nỗ lực đẩy mạnh đào tạo, phổ cập kỹ năng số, từng bước hình thành đội ngũ công dân số có khả năng thích ứng với môi trường số. Trong đó, phong trào "Bình dân học vụ số" được triển khai rộng khắp, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các cơ quan, đơn vị và cộng đồng dân cư.

Thông qua nhiều hoạt động thiết thực, địa phương từng bước đưa kiến thức, kỹ năng số đến gần hơn với từng người dân, giúp mọi người chủ động tiếp cận dịch vụ số, khai thác tiện ích công nghệ và tham gia tích cực vào tiến trình chuyển đổi số.

Theo thống kê của Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai, thành phố đã rà soát, kiện toàn hơn 1,7 ngàn tổ công nghệ số cộng đồng với hơn 10,3 ngàn thành viên tại 95 xã, phường. Sau khi sáp nhập ấp, khu phố, ước tính còn khoảng 600 tổ với khoảng 3,5 ngàn thành viên.

Các tổ được xem là lực lượng nòng cốt, phủ khắp các khu phố, ấp trên địa bàn thành phố, trở thành "cánh tay nối dài" của chính quyền địa phương trong tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, nền tảng số, thanh toán không dùng tiền mặt, chữ ký số cá nhân; đồng thời nâng cao nhận thức về an toàn thông tin, nhận diện tin giả và các hình thức lừa đảo qua mạng.

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, hướng dẫn và tổ chức học tập cần được duy trì thường xuyên, với hình thức phù hợp từng nhóm đối tượng. Các địa phương tại Đồng Nai đã triển khai nhiều cách làm như tuyên truyền trực tiếp thông qua tổ công nghệ số cộng đồng; livestream, xây dựng video ngắn, infographic trên các nền tảng mạng xã hội; phát huy hệ thống truyền thanh, trang thông tin điện tử của xã, phường. Qua đó, kiến thức và kỹ năng số từng bước được đưa đến gần hơn với người dân.

Cùng với đó, tháng 7/2026, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Thành đoàn Đồng Nai phát động Chiến dịch "Mùa hè số Đồng Nai", huy động lực lượng tình nguyện viên tham gia hỗ trợ người dân tiếp cận các nền tảng số thiết yếu. Với phương châm "đi từng ngõ, gõ từng nhà", các đội hình tập trung hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, VNeID, chữ

ký số, thanh toán không dùng tiền mặt, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và các tiện ích số phục vụ đời sống.

Phó Giám đốc phụ trách Sở Khoa học và Công nghệ Nguyễn Minh Quang nhấn mạnh, với sức trẻ, tinh thần tình nguyện và khả năng tiếp cận công nghệ, đoàn viên, thanh niên, sinh viên có thể trở thành những "đại sứ số", đồng hành cùng chính quyền trong việc hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng và dịch vụ, tiện ích số.

Tại phường Đồng Xoài, mô hình "Mỗi công chức là một hạt nhân hướng dẫn kỹ năng số" được triển khai gắn với hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng. Lực lượng hỗ trợ được huy động đến các khu phố, hướng dẫn người dân theo phương châm "đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người". Trong khi đó, các địa phương như Xuân Bắc, Gia Kiệm, Sông Ray, Lộc Thành và Phú Hòa triển khai mô hình "1 kèm 1, đôi bạn đồng hành học tập", tạo điều kiện để người học có người hướng dẫn, trao đổi và hỗ trợ trong quá trình thực hành…

Còn tại phường Bình Phước, từ tháng 8/2025, địa phương đã triển khai mô hình Tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ hỗ trợ thủ tục hành chính, tập trung hướng dẫn người dân theo phương châm "cầm tay chỉ việc". Với người cao tuổi, người khuyết tật, người không có điện thoại thông minh hoặc chưa biết sử dụng công nghệ, tổ thực hiện hỗ trợ tại chỗ, đến tận nhà khi có yêu cầu.

Theo Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Bình Phước Nguyễn Thái Sơn, cách làm này góp phần thay đổi cách thức phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, từ "hướng dẫn" sang "đồng hành", từ chờ người dân thực hiện sang chủ động hỗ trợ. Qua đó góp phần giúp người dân tự tin tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, nhất là những người còn hạn chế về kỹ năng hoặc điều kiện sử dụng thiết bị.

Tại xã Bù Đăng, địa phương đặt mục tiêu đến cuối năm 2027, mỗi hộ gia đình có ít nhất một thành viên biết sử dụng thuần thục dịch vụ công trực tuyến. Theo đó, ngay đầu 2026, xã đã triển khai mô hình này bằng cách đưa đội hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến đến từng thôn, ấp, từng nhà để hướng dẫn người dân cài đặt ứng dụng và thực hành các thủ tục cần thiết trên điện thoại thông minh.

Ông Nguyễn Xuân Huy, Phòng Kinh tế, thành viên Đội Hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến xã Bù Đăng cho biết: Các thành viên thường tranh thủ buổi chiều hoặc ngày cuối tuần để đến nhà người dân, linh hoạt theo thời gian bà con có mặt. Nội dung hỗ trợ gồm các thủ tục như: đăng ký cư trú, chứng thực, đăng ký hộ tịch (khai sinh, kết hôn) và đăng ký, kích hoạt tài khoản định danh điện tử.

Sau khi được hướng dẫn và kiên trì thực hành, ông Điểu Văn Bươi (ở thôn Đức Thọ, xã Bù Đăng) đã biết đăng nhập và thao tác trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Ông Điểu Văn Bười cho biết: "Nhờ được tập huấn, hướng dẫn cụ thể và tự thực hành vài lần, tôi đã có thể giải quyết một số thủ tục đơn giản ngay trên điện thoại. Cách làm này giúp tôi tiết kiệm thời gian, công sức đi lại. Khi thành thạo hơn, tôi cũng muốn hướng dẫn lại cho những gia đình khác trong thôn để mọi người cùng biết, cùng sử dụng"

Từ người cần được hướng dẫn, ông Bười giờ đây có thể hướng dẫn lại cho những hộ khác. Sự thay đổi ấy cho thấy một kết quả quan trọng của phổ cập kỹ năng số: người học không chỉ tiếp nhận kiến thức mà bắt đầu có khả năng tự thực hiện và chia sẻ lại. Khi kỹ năng được lan tỏa trong gia đình và cộng đồng, phong trào Bình dân học vụ số có thêm nền tảng để duy trì sau những đợt hỗ trợ, tập huấn.

Từ những lớp học kỹ năng số đến các mô hình hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, Đồng Nai đang từng bước đưa chuyển đổi số đi sâu vào đời sống, bắt đầu từ những việc làm thiết thực nhất. Khi mỗi người dân biết sử dụng công nghệ, chủ động khai thác tiện ích số và sẵn sàng chia sẻ kiến thức với cộng đồng, đây chính là nền tảng quan trọng để hình thành công dân số, xây dựng xã hội số toàn diện ở Đồng Nai.

*Nguồn: nhandan.vn*

# CÀ MAU: GỠ RÀO CẢN THỦ TỤC, ĐƯA DỊCH VỤ CÔNG ĐẾN GẦN DÂN

Người dân không phải đến cơ quan hành chính, không cần in ấn nhiều loại giấy tờ, mà có thể ngồi tại nhà, sử dụng điện thoại hoặc máy tính để kê khai, gửi hồ sơ và theo dõi kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Sự thay đổi ấy đang tạo chuyển biến trong cải cách hành chính.

Đáng chú ý, việc cắt giảm thành phần hồ sơ, thay thế giấy tờ bằng thông tin, dữ liệu giúp nhiều thủ tục đơn giản, tạo điều kiện để người dân chủ động sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Điểm nhấn trong cải cách hành chính của tỉnh là phê duyệt phương án tái cấu trúc quy trình giải quyết đối với 8 thủ tục hành chính thường xuyên phát sinh, trong đó có thể thay thế một số thành phần hồ sơ bằng thông tin, dữ liệu có sẵn. Cách làm này giúp cắt giảm giấy tờ, loại bỏ những yêu cầu không cần thiết, khắc phục tình trạng người dân phải kê khai, cung cấp lại thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu. Nhờ quy trình được tinh gọn, người dân chủ động thực hiện hồ sơ trực tuyến ngay tại nhà.

Hiệu quả ấy thể hiện rõ tại các trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã. Tại xã Trần Phán, có 4.189 hồ sơ được thực hiện trực tuyến, đạt 99,6%. Tỷ lệ này phản ánh khả năng tiếp cận dịch vụ công trực tuyến của người dân ngày càng nâng lên, đồng thời cho thấy việc đơn giản hoá quy trình đang phát huy hiệu quả.

Ông Nguyễn Công Lý, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Trần Phán, cho biết, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại địa phương hiện rất cao. Trung tâm tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ, hướng đến mục tiêu người dân có thể tự nộp hồ sơ và nhận kết quả tại nhà. Giúp tiết kiệm thời gian, giảm chi phí đi lại, nhất là đối với những thủ tục có thể giải quyết hoàn toàn trên môi trường điện tử.

Tại xã Tân Ân, việc phân định rõ thủ tục cần xác nhận trực tiếp và thủ tục tự thực hiện trực tuyến giúp người dân thuận tiện hơn khi giải quyết công việc.

Ông Trương Hoàng Duy, Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Tân Ân, cho biết, số lượng hồ sơ người dân tự nộp tại nhà có xu hướng tăng. Với những thủ tục không cần xác nhận của xã, người dân chỉ cần truy cập hệ thống, điền thông tin theo mẫu, đính kèm giấy tờ liên quan rồi gửi hồ sơ. Chỉ những trường hợp cần xác nhận hoặc thực hiện công đoạn trực tiếp mới phải đến Trung tâm. Nhờ vậy, người dân chủ động giải quyết công việc ngay tại nhà, tránh những chuyến đi lại không cần thiết.

Tại xã Tân Lộc, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến hiện đạt trên 99%. Bà Mai Tú Nhi, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Tân Lộc, cho biết, nhiều nhóm thủ tục không yêu cầu người dân in giấy tờ, ký trực tiếp mà chỉ cần điền đầy đủ thông tin trên các mẫu tờ khai điện tử là có thể nộp hồ sơ.

Từ kết quả tại cơ sở, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn tỉnh Cà Mau đạt 97,45%, với 119.194 hồ sơ trực tuyến trên tổng số 122.316 hồ sơ được tiếp nhận. Con số này cho thấy người dân ngày càng chủ động sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Trong đó, việc đơn giản hoá thành phần hồ sơ là yếu tố quan trọng, bởi người dân có thể hoàn thành thủ tục mà không phải đi lại để bổ sung những giấy tờ đã có trong hệ thống.

Khi cơ quan hành chính chủ động khai thác dữ liệu, cắt giảm yêu cầu không cần thiết và đơn giản hoá quy trình, dịch vụ công trực tuyến sẽ trở thành lựa chọn thuận tiện trong giải quyết thủ tục. Đây là hướng đi quan trọng để Cà Mau xây dựng nền hành chính hiện đại, lấy sự thuận tiện và quyền lợi của người dân làm tiêu chí hàng đầu.

*Nguồn: baocamau.vn*

# KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ ỨNG DỤNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ TRONG BẢO ĐẢM AN NINH PHI TRUYỀN THỐNG VÀ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

***Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng gia tăng với mức độ phức tạp, vượt ra ngoài phạm vi biên giới quốc gia và khuôn khổ quản trị truyền thống. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đang dần trở thành công cụ then chốt được nhiều quốc gia sử dụng nhằm hỗ trợ phát hiện, dự báo sớm và nâng cao năng lực ứng phó với rủi ro, từng bước trở thành trụ cột của hệ thống bảo đảm an ninh phi truyền thống hiện nay.***

**Vai trò của khoa học, công nghệ trong bảo đảm an ninh phi truyền thống**

*Một là*, khoa học, công nghệ có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao năng lực nhận diện, dự báo và cảnh báo sớm các nguy cơ an ninh phi truyền thống. Sự phát triển của các công nghệ, như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) và học máy cho phép thu thập, xử lý và phân tích khối lượng dữ liệu khổng lồ từ nhiều nguồn khác nhau theo thời gian thực. Trên cơ sở đó, các hệ thống có thể phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường, nhận diện xu hướng và đưa ra cảnh báo kịp thời đối với các nguy cơ, như tấn công mạng, dịch bệnh, thiên tai hay biến động kinh tế, giúp các cơ quan chức năng chủ động hơn trong việc ra quyết định, giảm thiểu thiệt hại và nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro.

*Hai là,* tăng cường năng lực giám sát, kiểm soát và bảo vệ các hệ thống thiết yếu. Trong kỷ nguyên số, nhiều lĩnh vực như tài chính, năng lượng, giao thông, y tế và thông tin, truyền thông phụ thuộc ngày càng lớn vào hạ tầng công nghệ. Việc ứng dụng các công nghệ, như internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây, blockchain cùng các giải pháp an ninh mạng tiên tiến cho phép xây dựng các hệ thống giám sát thông minh, bảo đảm tính an toàn, toàn vẹn và liên tục của dữ liệu cũng như hệ thống vận hành. Đồng thời, các công nghệ này còn hỗ trợ phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm nhập, tấn công, góp phần bảo vệ các hệ thống trọng yếu của quốc gia.

*Ba là,* nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành trong bảo đảm an ninh phi truyền thống. Các nền tảng số và hệ thống chia sẻ dữ liệu cho phép kết nối, tích hợp thông tin giữa các bộ, ngành và địa phương, từ đó nâng cao hiệu quả xử lý tình huống. Việc triển khai các trung tâm điều hành thông minh và hệ thống quản lý khủng hoảng dựa trên công nghệ số đã cho thấy vai trò của khoa học, công nghệ trong việc tăng cường năng lực điều hành, chỉ huy và phối hợp thống nhất.

*Bốn là*, đóng vai trò quan trọng trong công tác ứng phó và khắc phục hậu quả các sự cố an ninh phi truyền thống. Trong các tình huống như thiên tai, dịch bệnh hoặc sự cố an ninh mạng quy mô lớn, các giải pháp công nghệ hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động cứu hộ, cứu nạn, điều phối nguồn lực và phục hồi hệ thống. Các công nghệ như viễn thám, hệ thống định vị toàn cầu, thiết bị bay không người lái hay các nền tảng quản lý thông tin số giúp rút ngắn

thời gian phản ứng và nâng cao hiệu quả xử lý tình huống, qua đó giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản.

*Năm là*, đổi mới phương thức quản trị an ninh theo hướng hiện đại và bền vững. Việc ứng dụng công nghệ số trong xây dựng chính phủ số và đô thị thông minh giúp nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường tính minh bạch và khả năng chống chịu của hệ thống trước các rủi ro an ninh. Cách tiếp cận quản trị dựa trên dữ liệu cho phép các cơ quan chức năng đưa ra quyết định chính xác hơn, từ đó nâng cao chất lượng chính sách và hiệu quả thực thi.

*Sáu là*, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng hợp tác quốc tế trong bảo đảm an ninh phi truyền thống. Các hệ thống công nghệ hiện đại giúp tăng cường chia sẻ thông tin, dữ liệu và kinh nghiệm giữa các quốc gia, đặc biệt trong bối cảnh các thách thức an ninh mang tính toàn cầu. Thông qua hợp tác về công nghệ, các quốc gia có thể nâng cao năng lực chung và xây dựng các cơ chế phối hợp hiệu quả trong phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa.

**Kinh nghiệm của một số quốc gia trong ứng dụng khoa học, công nghệ bảo đảm an ninh phi truyền thống**

***Trung Quốc***

Trong số các quốc gia châu Á, Trung Quốc là một trường hợp điển hình về việc đặt khoa học, công nghệ ở vị trí trung tâm của quản trị an ninh phi truyền thống. Cách tiếp cận của Trung Quốc được hình thành trên cơ sở gắn kết chặt chẽ giữa chiến lược an ninh quốc gia, chuyển đổi số, quản trị dữ liệu và hiện đại hóa năng lực ứng phó khẩn cấp. Điểm nổi bật của mô hình này là sự kết hợp giữa đầu tư mạnh cho hạ tầng công nghệ, hoàn thiện nhanh khung pháp lý và tổ chức hệ thống điều hành theo hướng tập trung, tích hợp, liên thông nhiều cấp, nhiều ngành.

Trong lĩnh vực phòng ngừa và ứng phó thảm họa, Trung Quốc xây dựng một hệ thống quản lý khẩn cấp theo hướng "toàn nguy cơ" và "toàn quy trình"; chú trọng hiện đại hóa đồng thời thể chế, lực lượng, hạ tầng thông tin, năng lực giám sát và cảnh báo, nhấn mạnh việc hình thành hệ thống chỉ huy thống nhất, nâng cao năng lực truyền thông khẩn cấp, giao thông khẩn cấp, báo cáo thiên tai thống nhất trên phạm vi quốc gia và thúc đẩy "ứng phó khẩn cấp thông minh, khoa học". Cùng với đó, Trung Quốc phát triển lực lượng cứu hộ chuyên nghiệp quy mô lớn, kết hợp lực lượng nhà nước, lực lượng ngành, quân đội và lực lượng xã hội để tăng khả năng phản ứng nhanh trước thiên tai, tai nạn lớn và các rủi ro phức hợp.

Trung Quốc ứng dụng mạnh công nghệ khí tượng, mô hình hóa rủi ro và cảnh báo sớm đa thiên tai. Hệ thống MAZU do Cục Khí tượng Trung Quốc phát triển có khả năng mô phỏng thời gian thực, dự báo tác động, dự báo kịch bản khẩn cấp đô thị và phát cảnh báo rủi ro tự động. Trung Quốc vận hành nền tảng cảnh báo khẩn cấp quốc gia với chức năng nhắc cảnh báo bắt buộc, đã được thí điểm tại hàng trăm đơn vị khí tượng cấp địa phương ở 13 tỉnh; nền tảng này có thể kích hoạt cảnh báo trong thời gian rất ngắn và hướng tới bảo đảm thông tin đến cộng đồng. Cách làm này phản ánh tư duy "cảnh báo sớm gắn với hành động sớm", phù hợp với quản trị an ninh phi truyền thống trong bối cảnh biến đổi khí hậu và thiên tai cực đoan gia tăng.

Trung Quốc đặc biệt coi trọng an ninh mạng và an ninh dữ liệu như một cấu phần cốt lõi của an ninh phi truyền thống trong kỷ nguyên số. Quy định về bảo vệ an toàn kết cấu hạ tầng thông tin quan trọng xác định rõ các lĩnh vực trọng yếu, như thông tin truyền thông, năng lượng, giao thông, tài nguyên nước và tài chính; đồng thời đặt ra yêu cầu giám sát, phòng thủ và ứng phó với các nguy cơ tấn công, xâm nhập, gián đoạn hoặc phá hoại hệ thống.

Trong lĩnh vực y tế và an ninh dịch bệnh, kinh nghiệm của Trung Quốc thời gian gần đây cho thấy xu hướng chuyển mạnh sang mô hình giám sát chủ động dựa trên dữ liệu. Năm 2024, cơ quan y tế Trung Quốc công bố định hướng xây dựng hệ thống giám sát và cảnh báo sớm bệnh truyền nhiễm đa điểm, hiệu quả, với mục tiêu nâng năng lực phát hiện sớm và cảnh báo nhanh lên mức hàng đầu thế giới vào năm 2030. Giải pháp trọng tâm bao gồm kết nối toàn bộ cơ sở y tế cơ sở và bệnh viện tư nhân với hệ thống báo cáo trực tiếp bệnh truyền nhiễm; tăng cường giám sát ca sốt, ca nặng, tử vong do bệnh truyền nhiễm trọng điểm; xây dựng mạng lưới phòng xét nghiệm đồng bộ và phối hợp chia sẻ thông tin giữa các cơ quan. Đến năm 2025, Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm sửa đổi tiếp tục củng cố cơ sở pháp lý cho việc tăng cường giám sát, cảnh báo sớm, ứng phó khẩn cấp, xét nghiệm chẩn đoán và cơ chế phối hợp liên ngành. Điều này cho thấy Trung Quốc rút kinh nghiệm từ các khủng hoảng y tế trước đây để chuyển sang quản trị dịch bệnh theo hướng số hóa, pháp lý hóa và liên thông dữ liệu hơn.

Hệ thống cảnh báo quốc gia của Trung Quốc được kết nối theo cả chiều dọc từ trung ương đến địa phương và theo chiều ngang với nhiều bộ, ngành, sử dụng chuẩn chung để tích hợp, xử lý và phát đi nhiều loại cảnh báo khác nhau. Cấu trúc liên thông này giúp khắc phục tình trạng phân tán dữ liệu, thiếu thống nhất chuẩn cảnh báo và chậm trễ trong phối hợp liên cơ quan. Ở góc độ quản trị an ninh phi truyền thống, đây là bài học quan trọng, bởi hiệu quả công nghệ không chỉ phụ thuộc vào thiết bị hay thuật toán, mà còn phụ thuộc rất lớn vào thể chế phối hợp, chuẩn dữ liệu và cơ chế điều hành thống nhất.

Tuy nhiên, kinh nghiệm của Trung Quốc cũng cho thấy, việc ứng dụng công nghệ trong bảo đảm an ninh phi truyền thống luôn đi kèm yêu cầu rất cao về quản trị pháp lý, kiểm soát dữ liệu và cân bằng giữa an ninh với quyền lợi cá nhân, tổ chức. Việc Trung Quốc liên tục bổ sung quy định về dữ liệu mạng, bảo vệ thông tin cá nhân, quản lý camera an ninh công cộng và trách nhiệm của các nền tảng số phản ánh thực tế rằng, càng đẩy mạnh số hóa, nguy cơ về lộ lọt dữ liệu, lạm dụng công nghệ hoặc phụ thuộc vào hạ tầng số càng lớn. Vì vậy, bài học không chỉ là đầu tư công nghệ, mà còn phải song hành với cơ chế giám sát, tiêu chuẩn bảo mật, xác định trách nhiệm pháp lý và năng lực thực thi.

***Nhật Bản***

Là quốc gia thường xuyên chịu tác động của động đất, sóng thần và các hiện tượng thời tiết cực đoan, Nhật Bản đã xây dựng một hệ thống quản trị rủi ro dựa trên nền tảng công nghệ cao, kết hợp chặt chẽ giữa thể chế, hạ tầng kỹ thuật và cộng đồng. Trong lĩnh vực phòng ngừa và ứng phó thiên tai, quốc gia này phát triển hệ thống cảnh báo sớm hiện đại hàng đầu thế giới. Cơ quan khí tượng Nhật Bản (JMA) chịu trách nhiệm thu thập, phân tích và công bố thông tin về động đất, sóng thần, bão và các hiện tượng khí tượng cực đoan. Hệ thống cảnh

báo động đất sớm được triển khai trên toàn quốc từ năm 2007, sử dụng mạng lưới trạm quan trắc dày đặc để phát hiện rung chấn ban đầu và gửi cảnh báo đến người dân cũng như các hệ thống hạ tầng quan trọng trong thời gian rất ngắn.

Bên cạnh đó, Nhật Bản xây dựng hệ thống cảnh báo đa thiên tai tích hợp, sử dụng các công nghệ tiên tiến, như siêu máy tính, mô hình dự báo và hệ thống truyền thông đa kênh để phát cảnh báo sớm. Hệ thống cảnh báo khẩn cấp quốc gia J-Alert cho phép gửi thông tin cảnh báo qua vệ tinh đến toàn bộ lãnh thổ chỉ trong vài giây thông qua truyền hình, radio, loa công cộng và thiết bị di động.

Luật cơ bản về phòng chống thiên tai của Nhật Bản quy định rõ trách nhiệm của chính phủ trung ương, chính quyền địa phương và các tổ chức liên quan trong toàn bộ chu trình quản lý rủi ro, từ phòng ngừa, chuẩn bị, ứng phó đến phục hồi. Cách tiếp cận này giúp tạo ra một hệ thống quản trị thống nhất, hiệu quả và có khả năng thích ứng cao. Song song với đó, Nhật Bản phát triển mạnh các nền tảng dữ liệu và hệ thống quan trắc phục vụ quản trị rủi ro. Viện Nghiên cứu quốc gia về khoa học trái đất và khả năng chống chịu thiên tai (NIED) vận hành các hệ thống quan trắc địa chấn, khí tượng và môi trường quy mô lớn, phục vụ phân tích và dự báo rủi ro. Các công nghệ, như hệ thống thông tin địa lý (GIS), viễn thám và dữ liệu lớn được sử dụng rộng rãi để hỗ trợ ra quyết định và điều phối nguồn lực trong các tình huống khẩn cấp.

Trong lĩnh vực quản trị xã hội, Nhật Bản triển khai chiến lược Xã hội 5.0 hướng tới việc tích hợp không gian mạng và không gian vật lý thông qua các công nghệ như AI, IoT và Big Data. Đối với an ninh mạng và bảo vệ hạ tầng trọng yếu, quốc gia này xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và khu vực tư nhân nhằm nâng cao năng lực phòng thủ và ứng phó. Cơ quan Quản lý cháy nổ và thiên tai Nhật Bản (FDMA) cùng các bộ, ngành liên quan tham gia xây dựng các kế hoạch ứng phó khẩn cấp, bao gồm cả các tình huống liên quan đến sự cố công nghệ và tấn công mạng. Chú trọng kết hợp giữa công nghệ với nâng cao năng lực cộng đồng, Nhật Bản xây dựng văn hóa phòng, chống thiên tai thông qua các chương trình giáo dục, diễn tập định kỳ và cung cấp thông tin cảnh báo kịp thời cho người dân, qua đó giúp nâng cao khả năng tự ứng phó của cộng đồng, giảm thiểu thiệt hại khi xảy ra sự cố. Ngoài ra, Nhật Bản tích cực thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực an ninh phi truyền thống, thông qua Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) hỗ trợ nhiều quốc gia trong việc xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, đào tạo nguồn nhân lực và chuyển giao công nghệ phòng, chống thiên tai.

***Hoa Kỳ***

Mô hình của Hoa Kỳ nổi bật ở việc kết hợp giữa năng lực công nghệ tiên tiến, thể chế linh hoạt và cơ chế phối hợp đa chủ thể, đặc biệt trong các lĩnh vực an ninh mạng, quản lý thiên tai, an ninh y tế và bảo vệ hạ tầng trọng yếu.

Trong lĩnh vực quản lý thiên tai và ứng phó khẩn cấp, Hoa Kỳ xây dựng hệ thống quản trị dựa trên nền tảng công nghệ và dữ liệu. Cơ quan Quản lý khẩn cấp liên bang (FEMA) đóng vai trò trung tâm trong điều phối ứng phó thiên tai, kết hợp với các cơ quan liên bang, bang và địa phương. Hệ thống quản lý sự cố quốc gia được thiết kế nhằm chuẩn hóa quy trình phối

hợp và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan. Đồng thời, Hoa Kỳ sử dụng mạnh mẽ công nghệ viễn thám, hệ thống thông tin địa lý (GIS) và dữ liệu thời gian thực để dự báo, đánh giá thiệt hại và điều phối nguồn lực trong các tình huống khẩn cấp.

Hoa Kỳ phát triển hệ thống cảnh báo sớm đa nguy cơ với quy mô toàn quốc. Cơ quan khí quyển và đại dương quốc gia Hoa Kỳ (NOAA) vận hành các hệ thống dự báo thời tiết, bão, lũ và các hiện tượng khí hậu cực đoan dựa trên siêu máy tính và mô hình khí tượng tiên tiến. Hệ thống cảnh báo công cộng tích hợp cho phép truyền tải thông tin cảnh báo khẩn cấp qua nhiều kênh như truyền hình, radio, điện thoại di động và internet, bảo đảm thông tin đến người dân một cách nhanh chóng và đồng bộ.

Trong lĩnh vực an ninh mạng, Hoa Kỳ được xem là quốc gia tiên phong trong xây dựng hệ sinh thái bảo vệ không gian số. Cơ quan An ninh mạng và cơ sở hạ tầng (CISA) thuộc Bộ An ninh Nội địa Hoa Kỳ chịu trách nhiệm bảo vệ các hệ thống hạ tầng trọng yếu trước các mối đe dọa mạng. CISA triển khai nhiều chương trình giám sát, cảnh báo sớm và hỗ trợ ứng phó sự cố cho cả khu vực công và tư. Chiến lược an ninh mạng quốc gia của Hoa Kỳ nhấn mạnh việc tăng cường khả năng phòng thủ chủ động, phát triển công nghệ bảo mật tiên tiến và thúc đẩy hợp tác quốc tế.

Một đặc điểm nổi bật trong kinh nghiệm của Hoa Kỳ là vai trò của khu vực tư nhân và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Nhiều doanh nghiệp công nghệ lớn, như Microsoft, Google, Amazon tham gia tích cực vào việc phát triển các giải pháp bảo mật, phân tích dữ liệu và AI phục vụ an ninh. Chính phủ Hoa Kỳ thiết lập cơ chế hợp tác công - tư để chia sẻ thông tin về mối đe dọa và phối hợp ứng phó. Các trung tâm chia sẻ và phân tích thông tin được thành lập trong nhiều lĩnh vực, như tài chính, năng lượng, giao thông nhằm nâng cao khả năng phòng thủ tập thể.

Trong lĩnh vực an ninh y tế và dịch bệnh, Hoa Kỳ ứng dụng mạnh mẽ công nghệ sinh học, Big Data và hệ thống giám sát dịch tễ. Trung tâm Kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh vận hành các hệ thống giám sát dịch bệnh quốc gia, thu thập dữ liệu từ nhiều nguồn để phân tích xu hướng và đưa ra cảnh báo sớm. Trong đại dịch COVID-19, Hoa Kỳ đã sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu và mô hình dự báo để hỗ trợ hoạch định chính sách và phân bổ nguồn lực y tế.

Ngoài ra, Hoa Kỳ chú trọng bảo vệ các hệ thống hạ tầng trọng yếu thông qua ứng dụng công nghệ và khung pháp lý. Các lĩnh vực, như năng lượng, tài chính, viễn thông và giao thông được xác định là hạ tầng quan trọng và chịu sự giám sát chặt chẽ về an ninh. Chính phủ ban hành các tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật nhằm bảo đảm khả năng chống chịu trước các rủi ro, như tấn công mạng, thiên tai hoặc gián đoạn chuỗi cung ứng. Quốc gia này đầu tư mạnh vào nghiên cứu và phát triển công nghệ phục vụ an ninh. Các cơ quan như Cơ quan dự án nghiên cứu quốc phòng tiên tiến tài trợ cho các dự án nghiên cứu về AI, an ninh mạng, công nghệ sinh học và các công nghệ mới nổi, qua đó tạo nền tảng cho các giải pháp bảo đảm an ninh phi truyền thống trong tương lai.

***Liên minh châu Âu (EU)***

Liên minh châu Âu là một mô hình đặc thù trong bảo đảm an ninh phi truyền thống khi phải xử lý các thách thức xuyên biên giới giữa nhiều quốc gia thành viên với trình độ phát triển và thể chế khác nhau. EU đã lựa chọn cách tiếp cận dựa trên khoa học - công nghệ, dữ liệu và chuẩn hóa thể chế nhằm xây dựng năng lực quản trị rủi ro ở cấp khu vực. Điểm nổi bật của mô hình này là sự kết hợp giữa khung pháp lý thống nhất, hạ tầng dữ liệu chung và các cơ chế phối hợp đa quốc gia.

Trong lĩnh vực quản lý rủi ro và ứng phó khẩn cấp, EU xây dựng cơ chế bảo vệ dân sự chung. Cơ chế bảo vệ dân sự Liên minh châu Âu cho phép các quốc gia thành viên phối hợp chia sẻ nguồn lực, thông tin và hỗ trợ lẫn nhau khi xảy ra thiên tai, thảm họa hoặc khủng hoảng. Trung tâm Điều phối ứng phó khẩn cấp thuộc Ủy ban châu Âu đóng vai trò điều hành, sử dụng các hệ thống công nghệ để theo dõi tình hình và điều phối hỗ trợ theo thời gian thực.

EU phát triển mạnh các nền tảng dữ liệu và hệ thống giám sát phục vụ quản trị an ninh phi truyền thống. Chương trình Copernicus do Liên minh châu Âu vận hành là một trong những hệ thống quan sát Trái đất tiên tiến nhất thế giới, cung cấp dữ liệu vệ tinh phục vụ giám sát môi trường, biến đổi khí hậu, thiên tai và an ninh biển. Dữ liệu từ Copernicus được chia sẻ rộng rãi cho các quốc gia thành viên, hỗ trợ dự báo, cảnh báo sớm và ra quyết định chính sách.

Trong lĩnh vực an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu, EU xây dựng khung pháp lý chặt chẽ và có ảnh hưởng toàn cầu. Quy định chung về bảo vệ dữ liệu được ban hành nhằm bảo vệ dữ liệu cá nhân và nâng cao trách nhiệm của các tổ chức trong xử lý thông tin. Bên cạnh đó, Cơ quan an ninh mạng Liên minh châu Âu đóng vai trò điều phối, hỗ trợ các quốc gia thành viên nâng cao năng lực an ninh mạng, xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật và tổ chức các cuộc diễn tập an ninh mạng quy mô khu vực.

EU triển khai Chỉ thị về an ninh mạng và hệ thống thông tin, yêu cầu các quốc gia thành viên tăng cường bảo vệ các hệ thống hạ tầng trọng yếu, như năng lượng, giao thông, tài chính và y tế. Chỉ thị này nhấn mạnh việc xây dựng năng lực phát hiện, báo cáo và ứng phó sự cố mạng, đồng thời thúc đẩy chia sẻ thông tin giữa các quốc gia.

Trong lĩnh vực y tế và dịch bệnh, EU thúc đẩy ứng dụng khoa học - công nghệ thông qua các cơ chế phối hợp và chia sẻ dữ liệu. Trung tâm Phòng ngừa và kiểm soát dịch bệnh châu Âu vận hành các hệ thống giám sát dịch tễ trên toàn khu vực, thu thập và phân tích dữ liệu từ các quốc gia thành viên để đưa ra cảnh báo sớm. Trong đại dịch COVID-19, EU đã triển khai các nền tảng chia sẻ dữ liệu, chứng nhận số và công cụ theo dõi dịch bệnh nhằm hỗ trợ quản lý di chuyển và kiểm soát lây lan.

EU thúc đẩy chuyển đổi số gắn với bảo đảm an ninh. Chiến lược số châu Âu đặt mục tiêu xây dựng "chủ quyền số" trong đó nhấn mạnh việc phát triển hạ tầng dữ liệu, điện toán đám mây và AI theo hướng an toàn, tin cậy. Các chương trình như GAIA-X được triển khai nhằm xây dựng hệ sinh thái dữ liệu chung cho châu Âu, bảo đảm kiểm soát dữ liệu và giảm phụ thuộc vào các nền tảng bên ngoài.

Trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu, EU ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ để giám sát và ứng phó. Cơ quan Môi trường châu Âu cung cấp dữ liệu và phân tích về chất lượng môi trường, khí hậu và tài nguyên thiên nhiên, hỗ trợ hoạch định chính sách và cảnh báo rủi ro. Các công nghệ như cảm biến môi trường, dữ liệu vệ tinh và mô hình khí hậu được sử dụng rộng rãi để dự báo và quản lý các nguy cơ như hạn hán, cháy rừng và ô nhiễm không khí.

EU xây dựng các tiêu chuẩn chung về dữ liệu, an ninh mạng và quản trị rủi ro, tạo điều kiện cho việc chia sẻ thông tin và phối hợp hành động giữa các quốc gia thành viên. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh các thách thức an ninh phi truyền thống mang tính xuyên biên giới và không thể giải quyết bởi từng quốc gia riêng lẻ. EU đầu tư mạnh vào nghiên cứu và đổi mới sáng tạo thông qua các chương trình như Horizon Europe, tài trợ cho các dự án nghiên cứu về an ninh, công nghệ số và biến đổi khí hậu. Các chương trình này không chỉ thúc đẩy phát triển công nghệ mà còn tạo ra mạng lưới hợp tác giữa các viện nghiên cứu, doanh nghiệp và cơ quan quản lý trong toàn khu vực.

**Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**

Từ việc nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia và khu vực trên thế giới trong ứng dụng khoa học, công nghệ để bảo đảm an ninh phi truyền thống, có thể rút ra một số bài học có giá trị tham khảo quan trọng đối với Việt Nam.

*Một là*, cần chuyển đổi tư duy từ ứng phó bị động sang quản trị rủi ro chủ động, dựa trên dự báo và cảnh báo sớm. Kinh nghiệm của các quốc gia cho thấy, việc đầu tư vào các hệ thống giám sát, phân tích dữ liệu và cảnh báo sớm có ý nghĩa quyết định trong việc giảm thiểu thiệt hại và nâng cao hiệu quả ứng phó với các rủi ro an ninh phi truyền thống. Đối với Việt Nam, điều này đòi hỏi phải xây dựng các hệ thống thông tin tích hợp, có khả năng thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu theo thời gian thực, từ đó hỗ trợ cơ quan quản lý đưa ra quyết định nhanh chóng, chính xác và kịp thời.

*Hai là*, hoàn thiện thể chế và chính sách là điều kiện tiên quyết để phát huy hiệu quả vai trò của khoa học, công nghệ trong bảo đảm an ninh phi truyền thống. Các quốc gia phát triển đều xây dựng khung pháp lý tương đối đồng bộ về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu, quản lý rủi ro và bảo vệ hạ tầng trọng yếu. Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng đồng bộ, hiện đại và tiệm cận với thông lệ quốc tế, đồng thời bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn trong nước. Bên cạnh đó, cần xây dựng cơ chế điều phối liên ngành hiệu quả, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tránh chồng chéo và nâng cao khả năng phối hợp trong xử lý các tình huống phức tạp.

*Ba là*, phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và hạ tầng dữ liệu là nền tảng quan trọng để nâng cao năng lực bảo đảm an ninh phi truyền thống. Việc xây dựng các trung tâm dữ liệu lớn, hệ thống chia sẻ dữ liệu liên thông và các nền tảng công nghệ dùng chung giúp tăng cường hiệu quả giám sát, dự báo và điều hành. Việt Nam cần đẩy mạnh đầu tư vào hạ tầng số, đặc biệt là các hệ thống dữ liệu quốc gia, đồng thời chuẩn hóa dữ liệu và thiết lập cơ chế chia

sẻ thông tin giữa các bộ, ngành và địa phương. Chú trọng bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình phát triển hạ tầng số.

*Bốn là*, việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến như AI, Big Data, IoT và công nghệ viễn thám cần được đẩy mạnh trong các lĩnh vực liên quan đến an ninh phi truyền thống. Những công nghệ này cho phép nâng cao năng lực phân tích, dự báo và tự động hóa trong quản lý, từ đó giúp các cơ quan chức năng chủ động hơn trong phòng ngừa và ứng phó với rủi ro. Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ cần gắn với nhu cầu thực tiễn, tránh đầu tư dàn trải và bảo đảm hiệu quả sử dụng nguồn lực.

*Năm là,* tổ chức bộ máy và cơ chế phối hợp thực thi cần được đổi mới theo hướng linh hoạt, hiệu quả và dựa trên nền tảng công nghệ. Kinh nghiệm của nhiều quốc gia cho thấy, việc xây dựng các trung tâm điều hành thông minh, tích hợp dữ liệu đa lĩnh vực có thể nâng cao đáng kể năng lực chỉ huy và điều phối trong các tình huống khẩn cấp. Việt Nam có thể nghiên cứu triển khai các mô hình tương tự ở cấp quốc gia và địa phương, đồng thời tăng cường kết nối giữa các cơ quan quản lý, lực lượng thực thi và doanh nghiệp công nghệ.

*Sáu là*, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố then chốt trong việc ứng dụng khoa học, công nghệ vào bảo đảm an ninh phi truyền thống. Các quốc gia thành công đều chú trọng đào tạo đội ngũ chuyên gia trong các lĩnh vực như an ninh mạng, khoa học dữ liệu, AI và quản trị rủi ro. Việt Nam cần xây dựng các chương trình đào tạo chuyên sâu, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, đồng thời có cơ chế thu hút và giữ chân nhân tài, bao gồm cả chuyên gia trong và ngoài nước.

*Bảy là*, huy động nguồn lực và thúc đẩy hợp tác là yếu tố quan trọng để triển khai hiệu quả các giải pháp công nghệ. Sự tham gia của khu vực tư nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp công nghệ có vai trò quan trọng trong việc phát triển và cung cấp các giải pháp kỹ thuật. Việt Nam cần đẩy mạnh hợp tác công - tư, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia vào quá trình xây dựng và vận hành các hệ thống bảo đảm an ninh phi truyền thống. Đồng thời, cần tăng cường hợp tác quốc tế, tham gia các mạng lưới chia sẻ thông tin và kinh nghiệm, qua đó nâng cao năng lực ứng phó với các thách thức mang tính toàn cầu.

*Tám là*, nâng cao nhận thức và vai trò của cộng đồng là một yếu tố không thể thiếu trong bảo đảm an ninh phi truyền thống. Người dân không chỉ là đối tượng được bảo vệ mà còn là chủ thể tham gia tích cực vào quá trình phòng ngừa và ứng phó với rủi ro. Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục và phổ biến kiến thức về an ninh phi truyền thống, đồng thời ứng dụng công nghệ để cung cấp thông tin cảnh báo và hướng dẫn ứng phó cho người dân một cách kịp thời và hiệu quả.

An ninh phi truyền thống đang trở thành thách thức mang tính hệ thống, đòi hỏi cách tiếp cận toàn diện, liên ngành và dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ hiện đại. Việc ứng dụng công nghệ số, AI, Big Data và các hệ thống giám sát thông minh không chỉ nâng cao năng lực phát hiện, dự báo, mà còn góp phần quan trọng trong điều hành, phối hợp và xử lý các tình huống phức tạp. Đồng thời, cần ưu tiên hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng dữ liệu, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản trị và nâng cao năng lực phối hợp liên

ngành. Phát huy vai trò của doanh nghiệp, tăng cường hợp tác quốc tế và nâng cao nhận thức xã hội… là những định hướng quan trọng góp phần xây dựng hệ thống bảo đảm an ninh phi truyền thống hiện đại, chủ động và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong giai đoạn mới.

*Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Thị Trường Giang*
*Phó Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền*

# XÃ, PHƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA: THƯỚC ĐO TỪ THỰC TIỄN

Ngày 04/5/2026, tại cuộc tiếp xúc cử tri ở Hà Nội sau Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XVI, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm gợi ý việc nghiên cứu xây dựng mô hình xã, phường xã hội chủ nghĩa. Đây không chỉ là định hướng mang tính lý luận, mà đặt ra yêu cầu cụ thể hóa trong thực tiễn quản trị cơ sở, nơi những giá trị tốt đẹp được hiện thực hóa một cách cụ thể, đo đếm được.

**Cụ thể hóa mục tiêu phát triển từ cơ sở**

Từ những gợi mở của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Lào Cai và một số địa phương trên cả nước đang tích cực nghiên cứu, xây dựng đề án thí điểm mô hình.

Cụ thể, tại Lào Cai, ngày 12/10/2026, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Đề án số 17-ĐA/TU, lựa chọn phường Lào Cai và xã Trấn Yên làm thí điểm. Hai địa bàn đại diện cho điều kiện đô thị cửa khẩu và nông thôn, tạo cơ sở đánh giá khả năng triển khai mô hình trong thực tế.

Để tìm hiểu quá trình triển khai, Báo Điện tử Chính phủ đã có cuộc trao đổi với ông Lê Tiến Mạnh, Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã Trấn Yên, tỉnh Lào Cai.

Ông Lê Tiến Mạnh cho biết: "Xã được lựa chọn thí điểm trên cơ sở những điều kiện và tiềm năng phát triển được tích lũy qua quá trình xây dựng nông thôn mới. Sau sắp xếp đơn vị hành chính, không gian phát triển của địa phương được mở rộng, cấp xã được giao nhiều nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm hơn, tạo điều kiện tổ chức lại sản xuất, kết nối các khu vực dân cư và khai thác hiệu quả hơn nguồn lực sẵn có".

Một lợi thế nữa đáng chú ý của địa phương là nông nghiệp hàng hóa, kinh tế hợp tác và các sản phẩm đặc trưng. Quế và dâu tằm được xác định là những sản phẩm có tiềm năng phát triển theo chuỗi giá trị, từ sản xuất, chế biến đến xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường. Ngoài ra, thương mại, dịch vụ, du lịch sinh thái và du lịch trải nghiệm gắn với cảnh quan, văn hóa địa phương cũng mở ra những hướng phát triển mới.

Đặc biệt, truyền thống đoàn kết và tinh thần cộng đồng là yếu tố quan trọng.

Ông Lê Tiến Mạnh nhấn mạnh: "Được lựa chọn thí điểm vừa là cơ hội, vừa đặt ra trách nhiệm lớn đối với Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân xã Trấn Yên. Xã xác định phải triển khai Đề án một cách nghiêm túc, bài bản, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp điều kiện thực tiễn; lấy hiệu quả phát triển và sự chuyển biến trong đời sống Nhân dân làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện".

**60 tiêu chí và phép thử về chất lượng quản trị**

Hiện nay, Đề án số 17-ĐA/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về thí điểm mô hình xã, phường xã hội chủ nghĩa được xây dựng theo hệ thống 60 tiêu chí, bao quát các lĩnh vực

kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và nâng cao chất lượng quản trị ở cơ sở.

Ông Lê Tiến Mạnh thông tin: "Chúng tôi xác định đánh giá việc thực hiện phải dựa trên những kết quả cụ thể, có thể đo lường và kiểm chứng, tập trung vào 4 nhóm nội dung chủ yếu, gồm: phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập; phát triển con người và bảo đảm an sinh xã hội; hoàn thiện kết cấu hạ tầng, cải thiện môi trường sống; xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân".

Lộ trình thực hiện cũng được xác định rất rõ. Đến hết năm 2027, phấn đấu hoàn thành khoảng 40% tổng số tiêu chí; năm 2028 đạt khoảng 60 - 70%; năm 2029 đạt khoảng 85 - 90%; đến năm 2030 hoàn thành các mục tiêu theo lộ trình. Riêng tiêu chí về khả năng tự cân đối ngân sách của xã Trấn Yên được thực hiện theo lộ trình đến năm 2035.

Điểm đáng chú ý là hệ thống đánh giá đặt ra yêu cầu kiểm chứng bằng kết quả thực tế. Tăng trưởng giá trị sản xuất, thu nhập bình quân, giảm nghèo, việc làm, chất lượng giáo dục, y tế, bảo hiểm y tế, môi trường sống và mức độ hài lòng của người dân đều là những căn cứ quan trọng.

Ở góc độ quản trị, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và khả năng tiếp nhận, xử lý kiến nghị của người dân cũng phải được đánh giá. Những mô hình như thôn thông minh, cộng đồng tự quản, y tế số, giáo dục số và an sinh xã hội ứng dụng công nghệ được triển khai theo điều kiện và nguồn lực của địa phương.

"Xã tiếp tục thực hiện tốt phương châm 'Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng'; công khai, minh bạch các chủ trương, chương trình, dự án liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của người dân. Đồng thời, tăng cường đối thoại, tiếp thu ý kiến, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, chi bộ, ban công tác Mặt trận và cộng đồng dân cư trong tuyên truyền, vận động, giám sát việc thực hiện Đề án", ông Lê Tiến Mạnh chia sẻ.

**Không chạy theo thành tích, phải "gỡ" từng điểm nghẽn từ thực tiễn**

Theo Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy xã Trấn Yên, bên cạnh những điều kiện thuận lợi, xã đã xác định một số vấn đề cần tập trung giải quyết trong quá trình thực hiện thí điểm mô hình xã, phường xã hội chủ nghĩa.

Trước hết là bài toán nguồn lực. Các mục tiêu về hạ tầng, phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng dịch vụ công, an sinh xã hội và chuyển đổi số đều đòi hỏi kinh phí và nhân lực. Trong khi đó, khả năng ngân sách có giới hạn, việc huy động nguồn lực xã hội cần có cơ chế phù hợp và sự đồng thuận của các chủ thể tham gia.

Bên cạnh đó, trong điều kiện vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, đội ngũ cán bộ, công chức cần tiếp tục nâng cao năng lực tham mưu, quản lý, điều hành, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

Về cơ chế phối hợp và phương pháp đánh giá cũng cần được "tháo gỡ". Với 60 tiêu chí trên nhiều lĩnh vực, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa địa phương với các sở, ngành của tỉnh. Một số nội dung cần tiếp tục được hướng dẫn, cụ thể hóa về phương pháp đánh giá, cơ chế thực hiện và điều kiện bảo đảm, để vừa phát huy tính chủ động của địa phương, vừa tuân thủ các quy định hiện hành.

Ông Lê Tiến Mạnh cho biết, xã Trấn Yên xác định sẽ rà soát, sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ, lồng ghép hiệu quả các chương trình, dự án, nâng cao năng lực cán bộ và đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số.

Hiện nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai đã ban hành Kế hoạch số 144-KH/TU ngày 30/10/2026 để tổ chức triển khai thống nhất, trong đó chú trọng việc rà soát cơ chế, chính sách, phân bổ nguồn lực, hướng dẫn chuyên môn và theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện.

Xây dựng xã, phường xã hội chủ nghĩa là một quá trình đòi hỏi sự kiên trì, có lộ trình và khả năng tự điều chỉnh trên cơ sở thực tiễn.

Ông Lê Tiến Mạnh khẳng định: "Chúng tôi xác định, quá trình thí điểm phải được thực hiện với tinh thần chủ động, thận trọng, khoa học, không nóng vội, không chạy theo hình thức, thành tích; vừa làm, vừa đánh giá, rút kinh nghiệm và hoàn thiện; cung cấp thêm cơ sở thực tiễn cho việc nghiên cứu, hoàn thiện mô hình trong thời gian tới".

*Nguồn: baochinhphu.vn*

# TẠO THUẬN LỢI CHO NGƯỜI DÂN TIẾP NHẬN THÔNG BÁO THI HÀNH ÁN QUA VNEID

Việc triển khai thông báo thi hành án dân sự qua VNeID theo Luật Thi hành án dân sự năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành tạo thuận lợi cho người dân tiếp nhận thông tin, chủ động thực hiện quyền, nghĩa vụ; đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý và tổ chức thi hành án dân sự.

**Đổi mới phương thức thông báo thi hành án**

Thông báo thi hành án dân sự là thủ tục quan trọng trong quá trình tổ chức thi hành án, nhằm bảo đảm người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được tiếp cận thông tin để thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Việc thông báo đúng đối tượng, đúng thời điểm và đúng trình tự, thủ tục có ý nghĩa đối với tính hợp pháp của hoạt động thi hành án, đồng thời góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 và Nghị định số 152/2026/NĐ-CP của Chính phủ đã tạo cơ sở pháp lý cho việc đổi mới phương thức thông báo thi hành án, chuyển từ cách thức chủ yếu dựa trên văn bản giấy sang thực hiện thông báo trên môi trường số.

Theo khoản 1 Điều 15 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP, thông báo về thi hành án được thực hiện trên môi trường số, trừ các trường hợp quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 của Nghị định. Việc thông báo trên môi trường số được thực hiện thông qua ứng dụng định danh điện tử quốc gia VNeID.

Theo đó, các thông báo thuộc phạm vi áp dụng có thể được gửi đến tài khoản định danh điện tử của người nhận, tạo điều kiện để người dân tiếp cận thông tin thuận tiện hơn, không phụ thuộc vào khoảng cách địa lý.

Tuy nhiên, thông báo trên môi trường số không thay thế toàn bộ các phương thức thông báo khác. Nghị định số 152/2026/NĐ-CP vẫn quy định những trường hợp áp dụng phương thức phù hợp như thông báo trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, niêm yết công khai, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc thông báo cho người ở nước ngoài theo điều kiện, trình tự, thủ tục tương ứng.

Riêng đối với quyết định thi hành án, theo điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP, việc thông báo được thực hiện qua Văn phòng thi hành án dân sự, doanh nghiệp bưu chính, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác hoặc do cơ quan thi hành án dân sự giao trực tiếp cho người được thông báo, trừ các trường hợp quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Nghị định.

Trường hợp đương sự có yêu cầu, cơ quan thi hành án dân sự thực hiện thông báo quyết định thi hành án trên môi trường số theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư liên tịch số 11/2026/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC.

Như vậy, về nguyên tắc, quyết định thi hành án được thông báo bằng phương thức truyền thống, trừ trường hợp đương sự có yêu cầu gửi qua VNeID. Các thông báo tiếp theo trong quá trình tổ chức thi hành án được thực hiện thông qua ứng dụng VNeID, trừ những trường hợp pháp luật quy định áp dụng phương thức thông báo khác.

**Thuận tiện hơn trong tra cứu, tiếp nhận thông tin**

Thông qua kết nối giữa Nền tảng số thi hành án dân sự và ứng dụng VNeID, người dân có thể tiếp nhận, xem và tải các văn bản thi hành án được gửi đến tài khoản định danh điện tử của mình.

Tiện ích này được triển khai đối với cá nhân là công dân Việt Nam có tài khoản định danh điện tử VNeID mức độ 2 đang hoạt động. Trên ứng dụng VNeID, người dân truy cập mục "Thông báo", lựa chọn thông báo về thi hành án dân sự để xem nội dung và mở văn bản đính kèm. Văn bản có thể được xem trực tiếp hoặc tải về thiết bị để lưu giữ, tra cứu khi cần thiết.

Cùng với việc triển khai phương thức thông báo mới, pháp luật cũng quy định trách nhiệm chủ động tiếp nhận thông tin của người dân. Theo khoản 3 Điều 15 Nghị định số 152/2026/NĐ-CP, đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm truy cập ứng dụng VNeID để nhận thông báo về thi hành án và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Do đó, người dân cần chủ động theo dõi các thông báo về thi hành án trên ứng dụng VNeID, đọc kỹ nội dung văn bản và lưu ý các thời hạn có liên quan để kịp thời thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, việc nhận thông báo về thi hành án dân sự qua ứng dụng VNeID sẽ được triển khai khi có hỗ trợ chức năng thông báo qua ứng dụng VNeID cho các đối tượng này.

Đối với Hệ thống thi hành án dân sự, việc triển khai thông báo qua ứng dụng VNeID góp phần đổi mới phương thức tổ chức thực hiện thủ tục. Thông qua Nền tảng số thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự có thể gửi văn bản điện tử, theo dõi kết quả gửi, tra cứu thời điểm gửi và trạng thái xem văn bản của người nhận. Qua đó, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí, giảm các thao tác nghiệp vụ thủ công, nâng cao hiệu quả quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động thi hành án dân sự.

Việc thực hiện phương thức thông báo mới cũng đặt ra yêu cầu đối với cơ quan thi hành án dân sự trong chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu, nhất là thông tin định danh của người được thông báo; bảo đảm thông báo đúng đối tượng, đúng phương thức, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật; theo dõi kết quả gửi và xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Cùng với việc triển khai thông báo trên môi trường số, Nghị định số 152/2026/NĐ-CP cũng quy định áp dụng phương thức thông báo khác đối với trường hợp người được thông báo chứng minh không thể tiếp cận thông báo trên môi trường số. Quy định này nhằm bảo đảm việc tiếp nhận thông tin của người dân trong quá trình tổ chức thi hành án.

Trong thời gian tới, cùng với việc tiếp tục hoàn thiện Nền tảng số thi hành án dân sự, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu, công tác tuyên truyền, hướng dẫn cần được đẩy mạnh để người dân hiểu rõ các quy định mới, sử dụng các tiện ích số và chủ động thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình thi hành án.

Việc triển khai thông báo thi hành án dân sự qua ứng dụng VNeID là một trong những nội dung đổi mới phương thức thông báo theo Luật Thi hành án dân sự năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành, góp phần tạo thuận lợi cho người dân tiếp nhận thông tin, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý và tổ chức thi hành án dân sự.

*Nguồn: nhandan.vn*

# CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC VÀ VIÊN CHỨC CẤP XÃ

Trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, đội ngũ viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập đảm nhiệm những lĩnh vực thiết yếu như dịch vụ công, nông nghiệp, môi trường, quản lý, duy tu công trình, văn hóa, thể thao, thông tin truyền thông. Đây là lực lượng trực

tiếp đưa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống, nâng cao chất lượng dịch vụ công và mức độ hài lòng của người dân.

Ngày 02/10/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 381/2026/NĐ-CP quy định phụ cấp công vụ đối với cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở xã, phường, đặc khu. Theo đó, chế độ phụ cấp công vụ đối với cán bộ, công chức cấp xã được điều chỉnh tăng, áp dụng từ ngày 01/7/2026 đến khi thực hiện cải cách chính sách tiền lương.

Đây là sự quan tâm kịp thời của Nhà nước trước yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao của cấp xã. Tuy nhiên, đội ngũ viên chức cấp xã không thuộc đối tượng được áp dụng chế độ phụ cấp này.

Trong điều kiện hiện nay, có những vị trí việc làm viên chức đòi hỏi trình độ chuyên môn cao, trách nhiệm nghề nghiệp và khối lượng công việc không kém so với cán bộ, công chức cấp xã; họ cũng trực tiếp phục vụ người dân, chịu áp lực lớn về tiến độ và chất lượng công việc. Đáng chú ý, hầu hết các đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là ở các xã gần như chỉ thực hiện nhiệm vụ chính trị, không có nguồn thu để cải thiện thu nhập cho viên chức.

Phát biểu thảo luận về tình hình phát triển kinh tế-xã hội tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI, đại biểu Nguyễn Thị Yến Nhi (Đoàn Vĩnh Long) cho rằng, để chính quyền cấp xã hoạt động hiệu lực, hiệu quả thì bên cạnh đội ngũ công chức cần có đội ngũ viên chức đủ năng lực, tâm huyết. Điều cần hướng tới là xây dựng cơ chế đãi ngộ phản ánh đúng giá trị công việc, trách nhiệm và đóng góp của từng nhóm. Khó đòi hỏi chất lượng dịch vụ công ngày càng nâng cao nếu chính sách cho người trực tiếp thực thi chưa được quan tâm tương xứng.

Rõ ràng, thực tiễn đang đặt ra nhu cầu phải nghiên cứu cơ chế phụ cấp hoặc hỗ trợ phù hợp cho viên chức cấp xã. Trước mắt cần đánh giá khả năng áp dụng phụ cấp đặc thù hoặc khoản hỗ trợ đối với những vị trí có khối lượng công việc lớn, yêu cầu chuyên môn cao, trực tiếp phục vụ người dân. Việc xây dựng chính sách phải căn cứ vào tính chất công việc, mức độ trách nhiệm, thu nhập hiện có và khả năng cân đối ngân sách, xác định rõ đối tượng, điều kiện và mức hưởng.

Khi xây dựng đề án cải cách chính sách tiền lương, Bộ Nội vụ cần tập trung khắc phục bất cập hiện nay trong chính sách phụ cấp; sớm nghiên cứu, tham mưu đánh giá đồng thời chính sách đối với công chức và viên chức cấp xã trên cơ sở đối chiếu vị trí việc làm, trách nhiệm và điều kiện thực hiện nhiệm vụ. Đối với những vị trí có tính chất công việc tương đương, cần nghiên cứu phương án bảo đảm tương quan thu nhập hợp lý; ở địa bàn khó khăn, dân số đông hoặc nhu cầu dịch vụ công lớn cần có chính sách hỗ trợ phù hợp điều kiện thực tế.

*Nguồn: nhandan.vn*

# PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN TỔNG THỂ VỀ NỀN TẢNG SỐ QUỐC GIA VỀ LƯU TRỮ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà ký Quyết định số 2279/QĐ-TTg ngày 18/11/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể "Xây dựng, vận hành Nền tảng số quốc gia về lưu trữ giai đoạn 2026 - 2030" (Đề án). Đề án này được triển khai đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức nhà nước ở trung ương và địa phương, doanh nghiệp nhà nước.

Mục tiêu của Đề án nhằm chuyển đổi phương thức quản lý tài liệu lưu trữ từ phân tán sang tập trung, từ quản lý tài liệu sang quản trị dữ liệu thống nhất trong môi trường số; xây dựng, vận hành Nền tảng số quốc gia về lưu trữ dùng chung, gắn với hoàn thiện Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam, góp phần thúc đẩy phát triển Chính phủ số và hạ tầng dữ liệu quốc gia.

Phấn đấu đến năm 2028, hệ thống pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuẩn dữ liệu, chuẩn gói tin, định danh dữ liệu và quy trình nghiệp vụ thiết yếu được hoàn thiện, áp dụng thống nhất, đáp ứng yêu cầu quản lý tài liệu, dữ liệu lưu trữ trong môi trường số.

Hoàn thành xây dựng các chức năng cốt lõi và đưa Nền tảng vào vận hành; thí điểm kết nối, tiếp nhận tự động văn bản điện tử được ban hành từ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành vào Nền tảng để lưu trữ, làm cơ sở mở rộng giai đoạn 2029 - 2030.

Tiếp tục hoàn thiện, phát triển và vận hành tập trung Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia; chuẩn hóa, cập nhật tài liệu lưu trữ số và dữ liệu đặc tả hồ sơ, tài liệu từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước; bảo đảm kết nối, chia sẻ, khai thác và tái sử dụng theo quy định.

Hoàn thành việc đưa toàn bộ tài liệu lưu trữ vĩnh viễn đã được số hóa tại các lưu trữ lịch sử, bộ, ngành, địa phương lên Nền tảng để bảo quản, khai thác, sử dụng và phát huy giá trị.

Nâng cao năng lực đội ngũ nhân lực lưu trữ về quản trị tài liệu, dữ liệu, lưu trữ số, bảo quản số lâu dài, an toàn thông tin, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số.

**100% bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước kết nối, khai thác, sử dụng Nền tảng**

Đến năm 2029, hoàn thiện hệ thống pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu vận hành Nền tảng.

Đồng thời, mở rộng kết nối tự động tiếp nhận tài liệu số từ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành vào Nền tảng để lưu trữ, sử dụng, phát huy; bảo đảm tính xác thực, toàn vẹn và khả năng kiểm chứng lâu dài.

Đến năm 2030, các cơ quan, tổ chức chưa có hệ thống, kho lưu trữ số chuyên dụng sử dụng Nền tảng để quản lý tài liệu lưu trữ số theo thẩm quyền; các hệ thống, kho lưu trữ số chuyên dụng hiện có kết nối, liên thông với Nền tảng.

Nền tảng số quốc gia về lưu trữ được vận hành tập trung, thống nhất, an toàn, liên tục, dùng chung trên phạm vi toàn quốc; cung cấp các chức năng, dịch vụ lưu trữ dùng chung, đáp ứng yêu cầu quản lý, bảo quản tài liệu lưu trữ số xuyên suốt vòng đời.

100% bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi Đề án kết nối, khai thác, sử dụng Nền tảng theo quy định; các chức năng lưu trữ có thể tổ chức tập trung được thực hiện trên Nền tảng.

Hoàn thiện, phát triển và cập nhật thường xuyên Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam từ tài liệu lưu trữ số hình thành trên các hệ thống quản lý văn bản và điều hành, dữ liệu từ số hóa tài liệu giấy và dữ liệu đặc tả hồ sơ, tài liệu hình thành qua chỉnh lý; bảo đảm chuẩn hóa, quản lý tập trung, thống nhất, kết nối, chia sẻ và khai thác theo quy định.

Hoàn thiện mô hình lưu trữ dự phòng hai lớp đối với tài liệu lưu trữ thuộc diện dự phòng Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam, bảo đảm an toàn, toàn vẹn và khả năng phục hồi, sử dụng tài liệu, dữ liệu khi xảy ra sự cố, thiên tai, thảm họa.

Hình thành năng lực khai thác thông minh tài liệu, dữ liệu lưu trữ trên cơ sở ứng dụng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số phù hợp, đáp ứng yêu cầu tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và khai phá dữ liệu.

Tài liệu, dữ liệu lưu trữ được kết nối, chia sẻ, tái sử dụng và phát huy giá trị trên môi trường số, phục vụ quản lý nhà nước, quản trị quốc gia, nghiên cứu, giáo dục, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội.

Hình thành đội ngũ nhân lực liên ngành và chuyên gia về lưu trữ, quản trị dữ liệu, công nghệ số, an toàn thông tin và trí tuệ nhân tạo, đáp ứng yêu cầu quản trị, vận hành, khai thác và phát triển Nền tảng.

**5 nhiệm vụ, giải pháp**

Để thực hiện được các mục tiêu nêu trên, Đề án đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1- Hoàn thiện hệ thống pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ;

2- Xây dựng và vận hành Nền tảng số quốc gia về lưu trữ;

3- Hoàn thiện, phát triển Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam;

4- Xây dựng hạ tầng số tập trung để vận hành Nền tảng số quốc gia về lưu trữ;

5- Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực quản trị, vận hành Nền tảng.

***Về nhiệm vụ xây dựng và vận hành Nền tảng số quốc gia về lưu trữ,*** Đề án yêu cầu xây dựng Nền tảng tập trung, thống nhất, dùng chung trên phạm vi toàn quốc, phục vụ thu nộp, tiếp nhận, quản lý, bảo quản, khai thác, sử dụng và phát huy giá trị dữ liệu, tài liệu lưu trữ số; gắn với Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam. Nền tảng không thay thế chức năng của Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

Thiết kế theo mô hình nhiều lớp, gồm: Lớp người dùng và truy cập dịch vụ; lớp dịch vụ nghiệp vụ lưu trữ; lớp dữ liệu và quản trị dữ liệu; lớp tích hợp, chia sẻ dữ liệu; lớp AI và phân tích dữ liệu; lớp bảo mật, an toàn thông tin; lớp hạ tầng số và lưu trữ số.

Thiết lập mô hình quản trị dữ liệu thống nhất theo toàn bộ vòng đời tài liệu; phân định rõ trách nhiệm giữa chủ quản dữ liệu, quản trị dữ liệu, quản lý chất lượng dữ liệu và đơn vị vận hành kỹ thuật; bảo đảm dữ liệu được quản lý xuyên suốt, không bị đứt gãy từ khi hình thành đến khi được bảo quản, khai thác và sử dụng lâu dài.

Đối với yêu cầu về kiến trúc và triển khai Nền tảng, Đề án nêu rõ: Nền tảng được xây dựng theo kiến trúc mở, tiêu chuẩn mở; đáp ứng tiêu chí nền tảng số dùng chung quốc gia, phù hợp Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia; bảo đảm khả năng tích hợp, mở rộng, kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu và kế thừa các hệ thống hiện có.

Nền tảng được triển khai trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, tính sẵn sàng, khả năng phục hồi và chủ quyền dữ liệu; đáp ứng yêu cầu bảo quản tài liệu số lâu dài.

Về tích hợp, chuyển đổi và kết nối hệ thống, Đề án yêu cầu kết nối, kế thừa và chuẩn hóa dữ liệu từ các hệ thống hiện có theo yêu cầu nghiệp vụ; bảo đảm liên thông, tránh đầu tư trùng lặp.

Kết nối Hệ thống quản lý văn bản và điều hành và các hệ thống thông tin có liên quan để tiếp nhận, kế thừa tài liệu, dữ liệu lưu trữ số theo quy định.

Kết nối, kế thừa dữ liệu gửi, nhận văn bản điện tử từ Trục liên thông văn bản quốc gia đối với văn bản được gửi, nhận liên hệ thống.

Chuẩn hóa, chuyển đổi dữ liệu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chuẩn dữ liệu thống nhất, bảo đảm dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống, có khả năng kết nối, chia sẻ và khai thác dùng chung.

Kết nối với các cơ sở dữ liệu, nền tảng, hệ thống dùng chung quốc gia, hệ thống thông tin của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và VNeID, phù hợp với chức năng, thẩm quyền và quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Bên cạnh đó, Đề án cũng yêu cầu tổ chức quản trị, vận hành, giám sát và bảo trì Nền tảng hoặc từng cấu phần được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào khai thác, sử dụng; bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục, an toàn, hiệu quả; có cơ chế hỗ trợ người dùng và xử lý sự cố trong quá trình khai thác, sử dụng.

Tổ chức cung cấp dịch vụ khai thác, sử dụng tài liệu, dữ liệu lưu trữ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo thẩm quyền, phạm vi tiếp cận và quy định của pháp luật. Cung cấp các dịch vụ lưu trữ số cơ bản dùng chung; thực hiện định danh, xác thực, phân quyền và kiểm soát quyền tiếp cận tài liệu, dữ liệu theo quy định….

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành (18/11/2026). Trong giai đoạn chuyển đổi, các bộ, ngành, địa phương tiếp tục khai thác các hệ thống hiện có để bảo đảm hoạt động quản lý, điều hành liên tục và thực hiện các yêu cầu của pháp luật.

Việc nâng cấp các hệ thống hiện có chỉ thực hiện khi cần thiết, bảo đảm kế thừa kết quả đầu tư, không đầu tư trùng lặp với các chức năng của Nền tảng số quốc gia về lưu trữ; tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuẩn dữ liệu và yêu cầu kết nối, tích hợp với Nền tảng, tạo thuận lợi cho quá trình chuyển đổi theo lộ trình.

*Nguồn: baochinhphu.vn*

# NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ GẮN VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐỊA PHƯƠNG

Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà ký Quyết định số 2222/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình nâng cao năng lực quản lý phát triển đô thị gắn với đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức địa phương giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 (Chương trình).

Chương trình đặt mục tiêu chung là bồi dưỡng, nâng cao năng lực thực thi công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức địa phương; góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức quản lý phát triển đô thị chuyên nghiệp, có kiến thức số và năng lực đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu quản lý phát triển đô thị bền vững trong bối cảnh tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết số 06-NQ/TW; Kết luận số 224-KL/TW; Nghị quyết số 60-NQ/TW và Nghị quyết số 57-NQ/TW.

**Triển khai đồng bộ các chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý phát triển đô thị gắn với đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2026 - 2030, triển khai đồng bộ các chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý phát triển đô thị gắn với đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức địa phương đáp ứng yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ trong giai đoạn mới; cụ thể:

- Bảo đảm 80% lãnh đạo cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và lãnh đạo cấp phòng, ban thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh phụ trách các lĩnh vực liên quan đến quản lý phát triển đô thị gắn với đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được bồi dưỡng theo chương trình nâng cao năng lực;

- Bảo đảm 90% công chức các phòng, ban chuyên môn thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh phụ trách các lĩnh vực liên quan đến quản lý phát triển đô thị gắn với đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được bồi dưỡng theo chương trình nâng cao năng lực;

- Bảo đảm 80% lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các phường và xã, đặc khu dự kiến hình thành đô thị được bồi dưỡng theo chương trình nâng cao năng lực;

- Bảo đảm 90% công chức có yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến phát triển đô thị gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tại các phường và xã, đặc khu dự kiến hình thành đô thị được bồi dưỡng theo chương trình nâng cao năng lực.

Định hướng giai đoạn 2031 - 2035: hoàn thành đánh giá, cập nhật và nâng cấp toàn bộ hệ thống chương trình, tài liệu, học liệu bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu giai đoạn 2031 - 2035.

Định hướng đến năm 2045: duy trì hoạt động bồi dưỡng liên tục hằng năm nhằm bảo đảm đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quản lý phát triển đô thị.

**4 đối tượng được bồi dưỡng**

Đối tượng 1 (ĐT1): Giám đốc, Phó Giám đốc, lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn của các Sở Xây dựng; Sở Quy hoạch - Kiến trúc (nếu có); Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; lãnh đạo cấp sở và lãnh đạo cấp phòng thuộc các cơ quan, ban, ngành, đơn vị tham mưu cấp tỉnh về phát triển đô thị và các lĩnh vực có liên quan.

Đối tượng 2 (ĐT2): Công chức các phòng, ban chuyên môn thuộc các sở, cơ quan, ban, ngành, đơn vị tham mưu cấp tỉnh về quản lý phát triển đô thị và các lĩnh vực có liên quan.

Đối tượng 3 (ĐT3): Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân các phường và xã, đặc khu dự kiến hình thành đô thị.

Đối tượng 4 (ĐT4): Lãnh đạo, công chức các phòng, ban chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý phát triển đô thị và các lĩnh vực có liên quan tại Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân các phường và xã, đặc khu dự kiến hình thành đô thị; các trường hợp khác có liên quan đến quản lý phát triển đô thị theo nhu cầu của địa phương.

**Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao năng lực**

Để đạt được các mục tiêu trên, một trong những nhiệm vụ Chương trình đặt ra là xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao năng lực. Trong đó, các địa phương rà soát, đánh giá thực trạng trình độ, năng lực quản lý phát triển đô thị của cán bộ, công chức. Tổng hợp nhu cầu, nội dung cần bồi dưỡng, xây dựng và ban hành kế hoạch bồi dưỡng tổng thể và hằng năm trong giai đoạn 2026 - 2030.

Ưu tiên xây dựng kế hoạch, tổ chức bồi dưỡng, nâng cao năng lực theo đợt gắn với từng địa bàn, từng nhóm nội dung, chuyên đề bồi dưỡng cho các địa phương, đối tượng công chức cần ưu tiên hoàn thiện năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quản lý phát triển đô thị gắn với vị trí việc làm.

**Nội dung bồi dưỡng phù hợp đặc trưng điều kiện phát triển của từng địa phương**

Xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo ba nhóm cơ bản, nâng cao và chuyên sâu cho từng nhóm đối tượng gắn với trình độ, mô hình phát triển đô thị, trình độ khoa học công nghệ và có thể điều chỉnh linh hoạt theo yêu cầu thực tiễn. Chương trình, tài liệu bồi dưỡng phải bảo đảm tối thiểu 60% thời lượng thực hành, thảo luận tình huống thực tế, thực hành xử lý vụ việc.

Tăng cường nội dung có yêu cầu chuyên môn cao như quy hoạch đô thị và nông thôn, quản lý và phát triển các mô hình đô thị (liên kết vùng, đa trung tâm, đa cực, phát triển kinh tế biển, TOD, đô thị xanh, đô thị ứng phó biến đổi khí hậu, đô thị phát thải cacbon thấp,...); phù hợp theo đặc trưng điều kiện phát triển của từng địa phương (đô thị ven biển, khu kinh tế, khu thương mại tự do, đô thị lấn biển, địa bàn miền núi, vùng xa, xã và đặc khu dự kiến chuyển đổi thành đô thị...); hạ tầng kỹ thuật xanh, thông minh, thích ứng, nâng cao năng lực chống chịu với rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu; hạ tầng logistics, không gian ngầm, không gian tầm thấp; điều chỉnh theo trình độ phát triển (thành phố trực thuộc trung ương, đô thị loại I, II, III); đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ mới (GIS, BIM, AI, bản sao số đô thị,

các hệ thống giám sát, điều hành, hạ tầng số,...) trong quản lý phát triển đô thị thông minh; quản trị đô thị dựa trên dữ liệu.

Xây dựng các video hướng dẫn nghiệp vụ; hệ thống học liệu số dùng chung toàn quốc và cập nhật vào hệ thống quản lý học tập và học liệu điện tử, góp phần tăng cường đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tổ chức bồi dưỡng.

Tổ chức các lớp thí điểm để kịp thời đáp ứng yêu cầu cấp bách của địa phương, hoàn thiện chương trình, xây dựng học liệu số.

*Nguồn: baochinhphu.vn*

# QUY ĐỊNH MỚI CHUYỂN ĐỔI GIỮA VĂN BẢN CÔNG CHỨNG GIẤY VÀ VĂN BẢN CÔNG CHỨNG ĐIỆN TỬ

Thay mặt Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu ký Nghị định số 413/2026/NĐ-CP ngày 16/11/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.

Nghị định 413/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 47 về văn bản công chứng điện tử.

Theo đó, văn bản công chứng điện tử bao gồm:

a) Văn bản công chứng được tạo lập trực tiếp trên môi trường điện tử theo quy trình công chứng điện tử trực tiếp hoặc trực tuyến theo quy định của Luật Công chứng, Nghị định này và pháp luật về giao dịch điện tử;

b) Văn bản công chứng giấy được chuyển đổi thành văn bản công chứng điện tử theo quy định tại Điều 47a của Nghị định này, có chữ ký số của công chứng viên và chữ ký số của tổ chức hành nghề công chứng thực hiện chuyển đổi.

Nghị định nêu rõ, văn bản công chứng điện tử phải có mã phản hồi nhanh (QR-Code), đường liên kết, mã số hoặc hình thức ký hiệu riêng khác để tham chiếu, kiểm tra tính xác thực.

Việc ký số của người tham gia giao dịch, người làm chứng, người phiên dịch vào văn bản quy định tại điểm a nêu trên được thực hiện trước sự chứng kiến trực tiếp của công chứng viên, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 50 của Luật Công chứng.

Việc ký số của công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng vào văn bản công chứng quy định tại điểm b nêu trên nhằm xác nhận việc chuyển đổi hình thức của văn bản công chứng mà không phải là việc thực hiện lại thủ tục công chứng giao dịch.

Việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, hủy bỏ giao dịch được công chứng điện tử được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Công chứng. Văn bản sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, hủy bỏ giao dịch phải được liên kết với văn bản công chứng trước đó và xuất hiện cùng văn bản đó khi được tham chiếu.

**Chuyển đổi giữa văn bản công chứng giấy và điện tử**

Bên cạnh đó, Nghị định 413/2026/NĐ-CP bổ sung Điều 47a về chuyển đổi hình thức giữa văn bản công chứng giấy và văn bản công chứng điện tử. Theo đó, việc chuyển đổi hình thức giữa văn bản công chứng giấy và văn bản công chứng điện tử chỉ được thực hiện theo yêu cầu của người tham gia giao dịch hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Việc chuyển đổi hình thức giữa văn bản công chứng giấy và văn bản công chứng điện tử do công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng đã thực hiện việc công chứng tiến hành; trường hợp hồ sơ công chứng đã được chuyển giao cho tổ chức hành nghề công chứng khác lưu trữ theo quy định của pháp luật thì công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng đang lưu trữ hồ sơ công chứng thực hiện việc chuyển đổi. Đối với việc công chứng điện tử trực tuyến, việc chuyển đổi do tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ công chứng quy định tại khoản 2 Điều 61 của Nghị định này thực hiện.

Công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng thực hiện chuyển đổi chịu trách nhiệm kiểm tra bản gốc, bảo đảm tính toàn vẹn và các điều kiện của văn bản sau chuyển đổi.

Nghị định 413/2026/NĐ-CP nêu rõ: ***Việc chuyển đổi văn bản công chứng giấy sang văn bản điện tử phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:***

a) Nội dung của văn bản điện tử được bảo đảm toàn vẹn so với bản gốc và có thể truy cập, sử dụng đầy đủ để tham chiếu;

b) Có ký hiệu bằng chữ xác nhận văn bản được chuyển đổi từ văn bản công chứng giấy; thông tin về văn bản gốc, công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng thực hiện chuyển đổi và thời điểm chuyển đổi;

c) Có chữ ký số của công chúng viên và chữ ký số của tổ chức hành nghề công chứng thực hiện chuyển đổi.

***Việc chuyển đổi văn bản công chứng điện tử sang văn bản giấy phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:***

a) Văn bản công chứng điện tử được kiểm tra tính toàn vẹn, tính xác thực và chữ ký số trước khi chuyển đổi; nội dung của văn bản giấy được bảo đảm toàn vẹn so với văn bản công chứng điện tử;

b) Có ký hiệu bằng chữ xác nhận văn bản được chuyển đổi từ văn bản công chứng điện tử; thông tin nhận diện văn bản gốc, công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng thực hiện chuyển đổi, thời điểm chuyển đổi và thông tin để tra cứu văn bản công chứng điện tử;

c) Có chữ ký của công chứng viên và con dấu của tổ chức hành nghề công chứng thực hiện chuyển đổi.

Văn bản công chứng được chuyển đổi đáp ứng các yêu cầu quy định nêu trên có giá trị như bản gốc theo quy định tại khoản 4 Điều 64 của Luật Công chứng. Việc chuyển đổi không làm thay đổi nội dung, thời điểm có hiệu lực và giá trị pháp lý của bản gốc.

Trường hợp pháp luật quy định văn bản được chuyển giao quyền sở hữu và chỉ được tồn tại dưới một hình thức duy nhất thì thực hiện theo pháp luật điều chỉnh loại văn bản đó.

Văn bản sau chuyển đổi và thông tin về việc chuyển đổi phải được lưu trong hồ sơ công chứng, liên kết với bản gốc và cập nhật vào cơ sở dữ liệu công chứng. Việc chuyển đổi không thay thế nghĩa vụ lưu trữ bản gốc và hồ sơ công chứng theo quy định của pháp luật.

***Việc xử lý sai sót liên quan đến việc chuyển đổi hình thức giữa văn bản công chứng giấy và văn bản công chứng điện tử được thực hiện như sau:***

a) Trường hợp bản gốc có lỗi kỹ thuật thì thực hiện sửa lỗi theo quy định tại Điều 52 của Luật Công chứng; sau khi sửa lỗi, việc chuyển đổi phải được thực hiện lại trên cơ sở bản gốc đã được sửa lỗi;

b) Trường hợp sai sót phát sinh trong quá trình chuyển đổi làm cho văn bản sau chuyển đổi không phù hợp với bản gốc hoặc không đáp ứng điều kiện chuyển đổi thì tổ chức hành nghề công chứng thực hiện chuyển đổi phải ngừng cung cấp văn bản bị lỗi, thực hiện lại việc chuyển đổi và cập nhật tình trạng của văn bản bị lỗi. Không áp dụng thủ tục sửa lỗi kỹ thuật trong văn bản công chứng để sửa sai sót của quá trình chuyển đổi;

c) Tổ chức hành nghề công chứng thực hiện chuyển đổi phải thông báo việc xử lý sai sót cho cá nhân đề nghị chuyển đổi và cơ quan, tổ chức đã được cung cấp văn bản chuyển đổi mà mình xác định được; cập nhật trạng thái văn bản trên hệ thống; lưu vết văn bản bị lỗi và việc xử lý để kiểm tra, đối chiếu.

**Sửa quy định về phạm vi giao dịch được áp dụng công chứng điện tử**

Bên cạnh đó, Nghị định số 413/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 của Điều 48 về phạm vi giao dịch được áp dụng công chứng điện tử.

Theo đó, ***công chứng điện tử trực tiếp*** được áp dụng đối với các giao dịch, trừ hợp đồng ủy quyền theo quy định tại Điều 57 của Luật Công chứng.

***Công chứng điện tử trực tuyến*** được áp dụng đối với các giao dịch, trừ các trường hợp:

a) Di chúc;

b) Giao dịch mà tại mỗi điểm cầu không có ít nhất 01 người trực tiếp tham gia giao kết và thực hiện việc ký số trước sự chứng kiến trực tiếp của công chứng viên.

Việc ký số trước theo quy định tại khoản 2 Điều 50 của Luật Công chứng không thay thế điều kiện quy định tại điểm b nêu trên.

*Nguồn: baochinhphu.vn*

# QUY ĐỊNH MỚI VỀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Thay mặt Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà ký Nghị định số 406/2026/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, sử dụng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Nghị định này quy định về nguyên tắc, nội dung quản lý, sử dụng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, thẩm quyền và trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ (bộ) và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố (địa phương) trong việc quản lý, sử dụng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

**Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1- Đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng) thuộc phạm vi quản lý của bộ, gồm:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ (bao gồm: đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ cấu tổ chức của bộ, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc bộ và đơn vị sự nghiệp công lập ở nước ngoài);

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cục và tương đương thuộc bộ (cục thuộc bộ);

c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc cục thuộc bộ;

d) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Văn phòng thuộc bộ.

2- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (cấp tỉnh), gồm:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sở);

c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc sở;

d) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố (cấp xã).

**Nguyên tắc xác định, quản lý số lượng người làm việc**

Nghị định nêu rõ, nguyên tắc xác định, quản lý số lượng người làm việc phải thực hiện nghiêm quy định của Đảng và của pháp luật về quản lý, sử dụng số lượng người làm việc và tinh giản biên chế trong đơn vị sự nghiệp công lập; bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch, hiệu quả và nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Xác định số lượng người làm việc phù hợp với vị trí việc làm theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, tính chất quan trọng, yếu tố đặc thù của đơn vị sự nghiệp công lập và định mức số lượng người làm việc, định mức kinh tế - kỹ thuật theo hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực; trong đó, tỷ lệ số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trên tổng số lượng người làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập không thấp hơn tỷ lệ mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Bảo đảm sử dụng đúng, hiệu quả số lượng người làm việc được cơ quan có thẩm quyền giao. Trường hợp pháp luật về giáo dục, về khoa học và công nghệ hoặc pháp luật chuyên ngành khác có quy định khác về việc xác định, quản lý số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

**Căn cứ xác định số lượng người làm việc**

Nghị định quy định các căn cứ xác định số lượng người làm việc gồm:

1- Vị trí việc làm và khối lượng công việc thực tế tại từng vị trí việc làm theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, tính chất quan trọng, yếu tố đặc thù của đơn vị sự nghiệp công lập.

2- Việc phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, áp dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, ứng dụng phương pháp quản trị, quản lý mới, cải cách thủ tục hành chính, tinh giản quy trình công việc.

3- Thực tế quản lý, sử dụng số lượng người làm việc được giao của đơn vị và mức độ tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

**Thẩm quyền quyết định giao số lượng người làm việc**

Nghị định quy định: 1. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định giao, điều chỉnh số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp giai đoạn 5 năm, hằng năm của đơn vị, bảo đảm phù hợp với Đề án tự chủ của đơn vị được phê duyệt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, Nghị định quy định:

a) Căn cứ kế hoạch số lượng người làm việc giai đoạn 5 năm do cơ quan được giao thẩm quyền quản lý biên chế theo quy định của cấp có thẩm quyền trình, cấp có thẩm quyền quyết định biên chế viên chức giai đoạn 5 năm của bộ, địa phương.

b) Căn cứ tổng biên chế viên chức giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền giao, Bộ Nội vụ trình cơ quan được giao thẩm quyền quản lý biên chế của bộ theo quy định của cấp có thẩm quyền quyết định giao tổng biên chế viên chức giai đoạn 5 năm của từng bộ.

Căn cứ tổng biên chế viên chức giai đoạn 5 năm của từng bộ do cơ quan được giao thẩm quyền quản lý biên chế của bộ theo quy định của cấp có thẩm quyền quyết định, Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quyết định giao biên chế viên chức hằng năm đối với từng bộ trước ngày 01 tháng 10 năm trước liền kề năm kế hoạch sau khi báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Người đứng đầu bộ quyết định giao hoặc phân cấp giao biên chế viên chức hằng năm đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trước ngày 31 tháng 10 năm trước liền kề năm kế hoạch trong tổng biên chế viên chức do Bộ trưởng Bộ Nội vụ giao.

Trước ngày 31 tháng 10 năm trước liền kề năm kế hoạch, người đứng đầu bộ quyết định giao, điều chỉnh số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý bảo đảm tỷ lệ số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trên tổng số lượng người làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập không thấp hơn tỷ lệ mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Căn cứ tổng biên chế viên chức giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan được giao thẩm quyền quản lý biên chế của địa phương theo quy định của cấp có thẩm quyền quyết định giao biên chế viên chức hằng năm đối với từng địa phương trước ngày 01 tháng 10 năm trước liền kề năm kế hoạch. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo cơ quan có thẩm quyền quản lý biên chế ở địa phương trước khi trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định giao biên chế viên chức hằng năm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý ở cấp tỉnh và tổng biên chế viên chức hằng năm ở từng cấp xã trước ngày 15 tháng 10 năm trước liền kề năm kế hoạch trong tổng biên chế viên chức do cơ quan được giao thẩm quyền quản lý biên chế của địa phương theo quy định của cấp có thẩm quyền giao. Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định giao biên chế viên chức hằng năm đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn cấp xã trong tổng biên chế viên chức được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giao trước ngày 31 tháng 10 năm trước liền kề năm kế hoạch.

Trước ngày 31 tháng 10 năm trước liền kề năm kế hoạch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao, điều chỉnh số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý ở cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao, điều chỉnh số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với từng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn cấp xã bảo đảm tỷ lệ số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trên tổng số lượng người làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập không thấp hơn tỷ lệ mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 11/11/2026.

Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (được bãi bỏ một phần theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 quy định về vị trí việc làm viên chức) hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

*Nguồn: baochinhphu.vn*

# NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

*** Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Điều động, bổ nhiệm ông Triệu Ngọc Lâm, Tổng Biên tập Báo Giáo dục và Thời đại, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên, đồng thời là Tổng giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

*** Thành phố Hà Nội**

- Ông Vũ Hà, Thành ủy viên, thôi giữ chức Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội, điều động đến công tác tại phường Ô Chợ Dừa; tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Bí thư Đảng ủy phường Ô Chợ Dừa, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Ông Phan Thanh Tùng, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thường Tín, thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và thôi giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Thường Tín, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Ông được điều động đến công tác tại Văn phòng Thành ủy, làm thành viên Bộ phận nghiên cứu chuyên đề của Thành phố Hà Nội.

- Điều động ông Bùi Tiến Thành từ Sở Xây dựng Hà Nội đến công tác tại xã Thường Tín; chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Thường Tín, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Ông cũng được giới thiệu để bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thường Tín, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

*** Tỉnh Tuyên Quang**

- Điều động ông Ma Quang Hiếu, Phó Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo đến nhận công tác tại Sở Giáo dục và Đào tạo, bổ nhiệm giữ chức Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Bà Lý Thị Loan, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được tiếp nhận, bổ nhiệm giữ chức Phó Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo.

- Chuẩn y ông Vũ Thanh Tùng, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy tham gia Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, giữ chức Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Tuyên Quang nhiệm kỳ 2025 - 2030; điều động đến nhận công tác tại cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

- Phân công, điều động ông Hoàng Nhị Sơn, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thôi giữ chức Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, đến nhận công tác tại Bộ phận nghiên cứu chuyên đề tỉnh Tuyên Quang, bổ nhiệm giữ chức Phó trưởng bộ phận Thường trực phụ trách Bộ phận.

- Tiếp nhận bà Đặng Thị Thanh Hương, Phó Giám đốc Sở Tư pháp, đến công tác tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Tuyên Quang, bổ nhiệm giữ chức Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

*Nguồn: Tổng hợp từ baochinhphu.vn và vov.vn*